LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong quá trình phát triển của mình, ngành Du lịch ngày càng nhận thấy rằng: Phát triển một cách bền vững và tồn tại lâu dài là điều rất cần thiết. Do đó mà vấn đề môi trường, bảo vệ tài nguyên ngày càng được quan tâm nhiều hơn trên nhiều phương tiện, nhiều hình thức khác nhau.

Du lịch là ngành tổng hợp, có mối quan hệ với nhiều lĩnh vực, nhiều ngành kinh tế xã hội, trong đó có mối liên hệ chặt chẽ, không thể tách rời với cộng đồng địa phương hay nói cách khác là với những người dân–chủ nhân của những vùng đất có tài nguyên mà ngành Du lịch đang khai thác và sử dụng. Đặc biệt là những nơi có loại hình DLST và văn hoá phát triển, sự thành công hay thất bại trong quá trình hoạt động du lịch, khai thác tài nguyên, phụ thuộc rất nhiều vào việc phối hợp, điều hoà, lợi ích, chia sẻ nghĩa vụ, quyền lợi giữa các bên tham gia.

Một điều không thể phụ nhận là ngành du lịch đã đem lại rất nhiều lợi ích trực tiếp hay gián tiếp cho CĐĐP như: Tạo công ăn việc làm, tăng thu nhập, giúp xây dựng và tu bổ cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật tốt hơn, đem đến sự hiểu biết, giao lưu văn hoá, xoá đói giảm nghèo, nâng cao đời sống của người dân, góp phần vào quá trình phát triển kinh tế của vùng của đất nước…Điều đó mang ý nghĩa nhân văn rất lớn, thể hiện đường lối chiến lược, chính sách phát triển kinh tế xã hội đúng đắn, phù hợp của mỗi vùng, của mỗi quốc gia.

Sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch ở mỗi địa phương, mỗi vùng khác nhau. Sự tham gia trực tiếp hay gián tiếp, điều đó phụ thuộc vào tài nguyên ở đó có những tiềm năng gì cho quá trình phát triển du lịch. Để thu hút, tổ chức sự tham gia của người dân vào hoạt động du lịch đã là một điều khó, nhưng để hướng dẫn, chỉ đạo họ theo một quỹ đạo với tính chất như những người làm du lịch thực thụ, có ý thức trong việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên lại là điều khó khăn hơn.

Cúc Phương là một vùng đất giàu tiềm năng du lịch cả về tài nguyên thiên nhiên và nhân văn. Hơn nữa, nơi đây có sự tham gia đông đảo và trực tiếp

của CĐĐP trong hoạt động du lịch. Nhưng trong quá trình khai thác và sử dụng tài nguyên còn thể hiện nhiều bất cập trong quản lý, sự điều hoà lợi ích giữa các bên tham gia chưa tốt, dẫn đến chất lượng sản phẩm du lịch bị giảm sút, chưa tạo được sự đa dạng hoá sản phẩm, chất lượng cuộc sống người dân chưa thực sự được đảm bảo.

Sự tham gia của CĐĐP trong các hoạt động du lịch ở đây vẫn còn ở mức thấp, người dân mới chỉ chủ yếu tham gia vào một số khâu không quan trọng, lợi ích về kinh tế không thường xuyên và bấp bênh. Các hình thức tham gia hầu như mang tính chất tự phát, xuất phát từ quy luật cung cầu của kinh tế thị trường (người dân thấy có lợi, có thu nhập thì họ làm) trong khi đó đất canh tác để làm nông nghiệp thì ngày càng bị thu hẹp để sử dụng các mục đích du lịch. do đó vấn đề việc làm của người dân lại trở nên cấp thiết hơn.

Vấn đề đặt ra đối với du lịch Cúc Phương là cần giúp người dân địa phương tham gia hoạt động du lịch, có sự liên kết với nhau, mang tính cộng đồng sâu sắc, toàn dân làm du lịch, cùng vì những mục đích lợi ich chung .Việc tổ chức thu hút CĐĐP vào hoạt động du lịch, giúp người dân nâng cao chất lượng cuộc sống, nâng cao nhận thức về du lịch, về ý nghĩa của việc bảo vệ tài nguyên môi trường, ý nghĩa của việc tạo ra môi trường nhân văn hấp dẫn khách du lịch. Để làm được điều đó, cần có sự quan tâm liên kết của rất nhiều ngành nhiều cơ quan có chức trách mà trực tiếp là ngành Du lịch và chính quyền địa phương. Đòi hỏi ngành Du lịch ngoài những nghiên cứu về tài nguyên, tìm những giải pháp cho phát triển du lịch…thì cần còn có sự nghiên cứu một cách toàn diện, thiết thực hơn về cộng đồng địa phương, thấy được vai trò quan trọng của CĐĐP cho sự phát triển bền vững của ngành du lịch.

Từ trước tới nay ,đã có rất nhiều sách báo, tài liệu, các tác giả, viết về Cúc Phương, nhưng chủ yếu ca ngợi về cảnh đẹp của thiên nhiên, tìm hiểu về lịch sử, văn hoá…phục vụ cho mục đích du lịch mà ít ai tìm hiểu về người dân địa phương – chủ nhân của những tài nguyên đó đã làm du lịch như thế nào? Tác động của du lịch đến đời sống của họ ra sao? Chính vì thế tác giả đã chọn đề tài " ***Phát triển du lịch cộng đồng VQG Cúc Phương*** " với mong muốn vận dụng

những kiến thức đã học về chuyên ngành Văn hoá Du lịch để góp phần vào bảo vệ sự đa dạng sinh học môi trường địa phương, tăng hiệu quả kinh tế, tạo sinh kế bền vững cho cộng đồng dân cư địa phương ở VQG Cúc Phương đồng thời thoả mãn nhu cầu du lịch của khách.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ

2.1 Mục tiêu

Trên cơ sở nghiên cứu tìm hiểu các tài nguyên phục vụ cho phát triển du lịch, mục tiêu của đề tài là phát triển du lịch cộng đồng ở vùng đệm hài hoà với bảo tồn tài nguyên ở VQG và phát triển kinh tế -xã hội của địa phương góp phần nâng cao đời sống của dân cư và bảo vệ môi trường.

2.2 Nhiệm vụ

Để thực hiện mục tiêu trên đề tài tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu tổng quan về Du lịch và DLCĐ.
- Nghiên cứu tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch ở VQG Cúc Phương và phát hiện những tồn tại cần giải quyết.
- Đề xuất phương hướng và giải pháp phát triển DLCĐ ở Cúc Phương.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1 Phạm vi nghiên cứu:

- Không gian nghiên cứu của đề tài giới hạn trong lãnh thổ của VQG gồm cả vùng lõi và vùng đệm.

- Về mặt nội dung: Đề tài nghiên cứu việc phát triển hoạt động du lịch và DLCĐ tại VQG Cúc Phương.

3.2 Đối tượng nghiên cứu

Đề tài tập trung nghiên cứu tiềm năng và hiện trạng hoạt động du lịch gắn với dân cư địa phương ở VQG Cúc Phương. Trên cơ sở đó đề xuất phương hướng phát triển du lịch và đưa ra giải pháp nhằm khai thác hợp lý lãnh thổ du lịch, tôn trọng mục tiêu bảo tồn khai thác những giá trị Văn hoá những sản phẩm sẵn có của cộng đồng địa phương và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

4. Ý nghĩa của khoá luận:

Về mặt lý luận, đề tài đã tổng quan về du lịch và DLCĐ ứng dụng chúng để nghiên cứu cho một địa điểm cụ thể đó là VQG Cúc Phương.

Về mặt thực tiễn, những kết quả nghiên cứu của đề tài là nguồn tài liệu tin cậy cho việc quy hoạch phát triển DLCĐ ở VQG.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong khoá luận tác giả sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu trong đó có một số phương pháp chủ yếu như sau:

- Phương pháp thu thập và xử lý số liệu
- Phương pháp nghiên cứu khảo sát thực tế
- Phương pháp điều tra xã hội học
- Phương pháp phân tích hiệu quả kinh tế
- Phương pháp xử lý thông tin

6. Kết cấu của khoá luận *:*

Khoá luận được kết cấu 3 chương ngoài phần Mở đầu, Kết luận và Phụ lục

- ***Chương 1: Tổng quan về du lịch và du lich cộng đồng***
- ***Chương 2: Tiềm năng và thực trạng hoạt động du lịch cộng đồng ở Vườn Quốc Gia Cúc Phương***
- ***Chương 3: Định hướng một số giải pháp phát triển du lịch cộng đồng ở VQG Cúc phương***

CHƯƠNG 1:

TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VÀ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG

1.1 Khái niệm chung

1.1.1 Khái niệm du lịch sinh thái

Trong những năm qua, DLST đã trở thành một lĩnh vực phát triển nhanh nhất của nghành du lịch với tốc độ phát triển nhanh gấp 3 lần cả nghành du lịch xét về tổng thể. Đồng thời DLST cũng đang dần được cộng đồng địa phương và bản địa nhìn nhận như một công cụ quan trọng để nâng cao mức sống một cách bền vững, bảo tồn văn hoá và đa dạng sinh học.

Nếu như lịch sử ngành lữ hành nói riêng và ngành du lịch trên thế giới nói chung được đánh dấu bằng sự kiện nhà du lịch và kinh tế người Anh Thomas Cook đã tổ chức chuyến tham quan đặc biệt bằng tàu hoả từ Leicester đến Lafburoy với chặng đường dài 12 dặm cho 570 khách đi dự hội nghị năm 1841 thì quan niệm về loại hình du lịch sinh thái được ra đời muộn sau này. Năm 1987 khái niệm đầu tiên về du lịch sinh thái mới được Hector Ceballos-Lascurain đưa ra tương đối hoàn chỉnh về khái niệm DLST đó là: "Du lịch sinh thái là du lịch đến những khu vực tự nhiên còn ít bị thay đổi, với những mục đích đặc biệt: nghiên cứu, tham quan,với ý thức trân trọng thế giới hoang dã và những giá trị văn hoá được khám phá". Mặc dù có chung những quan niệm cơ bản về DLST ,song căn cứ vào những đặc thù và mục tiêu phát triển, mỗi quốc gia, mỗi tổ chức quốc tế đều phát triển những định nghĩa riêng về DLST. Theo hiệp hội du lịch sinh thái quốc tế:

"Du lịch sinh thái là việc đi lại có trách nhiệm tới các khu vực thiên nhiên mà bảo tồn được môi trường và cải thiện phúc lợi cho người dân địa phương".

Khái niệm DLST cho đến nay vẫn còn được hiểu dưới nhiều góc độ khác nhau còn nhiều điểm chưa thống nhất, nhiều cuộc hội thảo chuyên đề được tổ chức với sự tham gia của các nhà nghiên cứu trong và ngoài nghành đã đưa ra những khái niệm khác nhau về du lịch sinh thái. Trong cuộc hội thảo "Xây dựng chiến lược quốc gia về phát triển Du lịch sinh thái" tại Việt Nam năm 1999, khái niệm du lịch sinh thái mới có sự thống nhất bước đầu: "Du lịch sinh thái là loại

hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa, gắn với giáob dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương".

1.1.2 Khái niệm du lịch cộng đồng

1.1.2.1 Các quan điểm về du lịch cộng đồng

Thuật ngữ *Du lịch dựa vào cộng đồng* xuất phát từ hình thức du lịch làng bản từ những năm 1970 và khách du lịch tham quan các làng bản, tìm hiểu về phong tục tập quán, cuộc sống hoang dã, lễ hội, cũng có thể là một vài khách muốn khám phá hệ sinh thái đa dạng, địa hình hiểm trở, nhiều núi cao vực sâu nhưng lại thưa thớt dân cư, các điều kiện sinh hoạt đi lại và hỗ trợ rất khó khăn, nhất là đối với khách tham quan. Những lúc như vậy, những khách này rất cần có sự trợ giúp như dẫn đường để tránh lạc, nơi ở qua đêm, ăn uống đã được người dân bản xứ tạo điều kiện giúp đỡ, cung cấp các dịch vụ; lúc đó, khách du lịch thường gọi là chuyến du lịch có sự hỗ trợ của người bản xứ – đây là tiền đề cho phát triển loại hình du lịch dựa vào cộng đồng.

Ngày nay, du lịch cộng đồng được chính phủ, tổ chức kinh tế, xã hội của các nước quan tâm nên đã trở thành lĩnh vực mới trong ngành công nghiệp du lịch. Bên cạnh đó, các tổ chức phi chính phủ tạo điều kiện giúp đỡ và tham gia vào lĩnh vực này nên từ đó các vấn đề xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế và sinh thái trong khuôn viên làng bản trở thành những tác nhân tham gia cung cấp dịch vụ cho du khách và thu hút được nhiều khách du lịch đến tham quan, người dân bản xứ cũng có thu nhập từ việc cung cấp dịch vụ và phục vụ khách tham quan nên loại hình du lịch dựa vào cộng đồng ngày càng được phổ biến và có ý nghĩa không chỉ đối với khách du lịch, chính quyền sở tại mà với cả cộng đồng.

Trên thực tế, du lịch dựa vào cộng đồng đã được hình thành, lan rộng và tạo ra sự phong phú, đa dạng cho các loại sản phẩm dịch vụ cho các loại khách du lịch vào thập kỷ 80 và 90 của thế kỷ trước tại các nước trong khu vực châu Phi, châu Úc, châu Mỹ La Tinh, du lịch cộng đồng được phát triển thông qua các tổ chức phi chính phủ, Hội thiên nhiên Thế giới. Du lịch dựa vào cộng đồng bắt đầu phát triển mạnh ở các nước châu Á, trong đó có các nước trong khu vực

ASEAN: Indonesia, Philipin, Thái Lan, các nước khu vực khác: Ấn Độ, Nepal, Đài Loan.

Về mặt lý luận về du lịch cộng đồng: Các nước ASEAN như Indonesia, Philipin, Thái Lan đã tổ chức rất nhiều cuộc hội thảo về xây dựng mô hình và tập huấn, đào tạo kỹ năng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng.

Một số tên gọi thường dùng khi nói đến du lịch dựa vào cộng đồng:

- Du lịch dựa vào cộng đồng (Community – based Tourism)

- Phát triển cộng đồng dựa vào du lịch (Community – development in tourism).

- Phát triển du lịch sinh thái dựa vào cộng đồng (Community – Based Ecotourism).

- Phát triển du lịch có sự tham gia của cộng đồng (Community – Participation in Tourism).

Du lịch dựa vào cộng đồng là một phương thức hoạt động du lịch và có những điều kiện, tính chất hoạt động giống như du lịch sinh thái, du lịch bền vững như sau:

- Du lịch sinh thái *là loại hình du lịch dựa vào thiên nhiên và văn hóa bản địa, gắn với giáo dục môi trường, có đóng góp cho nỗ lực bảo tồn và phát triển bền vững, với sự tham gia tích cực cộng đồng của cộng đồng địa phương* (Thế Đạt, Du lịch và du lịch sinh thái, 2003). Du lịch sinh thái nhấn mạnh và đề cao yếu tố giáo dục, nâng cao ý thức con người trong vấn đề bảo vệ, bảo tồn thiên nhiên và bảo tồn, phát huy những giá trị văn hóa do con người tạo ra.

- Du lịch bền vững *là việc phát triển các hoạt động du lịch nhằm đáp ứng những nhu cầu hiện tại của khách du lịch và người dân bản địa trong khi vẫn quan tâm đến việc bảo tồn và tôn tạo các nguồn tài nguyên cho việc phát triển các hoạt động du lịch trong tương lai...*(Nguyễn Đình Hòe và Vũ Văn Hiếu, Du lịch bền vững, 2001). Du lịch bền vững hướng đến việc quản lý các nguồn tài nguyên sao cho các nhu cầu kinh tế xã hội đều được thỏa mãn trong khi vẫn duy trì được bản sắc văn hóa, các đặc điểm sinh thái, sự đa dạng sinh học và hệ thống hỗ trợ đời sống.

Như vậy, du lịch cộng đồng chính là nét tinh túy của du lịch sinh thái và du lịch bền vững. Du lịch cộng đồng nhấn mạnh vào cả hai yếu tố là tự nhiên, môi trường và con người.

1.1.2.2 Một số khái niệm cơ bản về du lịch dựa vào cộng đồng

Do vị trí về du lịch dựa vào cộng đồng, tùy theo góc nhìn, quan điểm nghiên cứu mà du lịch cộng đồng có những khái niệm khác nhau.

Nhà nghiên cứu Nicole Hausle và Wollfgang Strasdas đưa ra khái niệm: "*Du lịch cộng đồng là một hình thái du lịch trong đó chủ yếu là người dân địa phương đứng ra phát triển và quản lý. Lợi ích kinh tế có được từ du lịch sẽ đọng lại nền kinh tế địa phương"* (Nicole Hausler and Wolfang Strasdas, Community Based Sustainable Tourism A Reader, 2000). Quan niệm trên nhấn mạnh đến vai trò chính của người dân địa phương trong vấn đề phát triển du lịch ngay trên địa bàn họ quản lý.

Du lịch cộng đồng là "*phương thức tổ chức du lịch đề cao về môi trường, văn hóa xã hội. Du lịch cộng đồng do cộng đồng sở hữu và quản lý, vì cộng đồng và cho phép khách du lịch nâng cao nhận thức và học hỏi về cộng đồng, về cuộc sống đời thường của họ"* (Rest: Respondsible Ecological Social Tours, Thailand, 1997)

Từ việc nghiên cứu các khái niệm về du lịch dựa vào cộng đồng, tiến sỹ Võ Quế đã rút ra khái niệm Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng trong cuốn sách của mình: *"Du lịch dựa vào cộng đồng là phương thức phát triển du lịch trong đó cộng đồng dân cư tổ chức cung cấp các dịch vụ để phát triển du lịch, đồng thời tham gia bảo tồn tài nguyên thiên nhiên và môi trường, đồng thời cộng đồng được hưởng quyền lợi về vật chất và tinh thần từ phát triển du lịch và bảo tồn tự nhiên"*.

Tiến sĩ – Kiến trúc sư Dương Đình Hiển – Viện Nghiên cứu phát triển du lịch phân tích về du lịch cộng đồng: *"Chúng ta phải hiểu ý nghĩa của du lịch cộng đồng ở cả hai khía cạnh: Thứ nhất là khai thác được các giá trị văn hoá bản địa. Thứ hai là tạo được công ăn việc làm, cải thiện thu nhập, nâng cao được đời sống của cộng đồng và có ý nghĩa lớn trong xoá đói giảm nghèo. Để*

thành công được điều này, chúng ta phải quan tâm đến lợi ích cộng đồng đầu tiên, từ đó phát huy giá trị của văn hoá bản địa để phục vụ du khách".

Mục đích của DLCĐ là khai thác hợp lý, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên, bảo tồn các di sản, văn hoá, nâng cao đời sống cộng đồng, xoá đói giảm nghèo, tạo ra thu nhập cho người dân bên cạnh việc mang lại doanh thu cho du lịch ngày càng tăng. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của CĐĐP với sự tự nguyện giúp họ chủ động hơn, tôn trọng và có trách nhiệm đối với tài nguyên du lịch.

Tổ chức bảo vệ thiên nhiên hoang dã đưa ra khái niệm mối quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hoạt động du lịch, cộng đồng trong phát triển du lịch dựa vào cộng đồng là:

Sơ đồ : Mối quan hệ giữa tài nguyên và hành động DLCĐ .

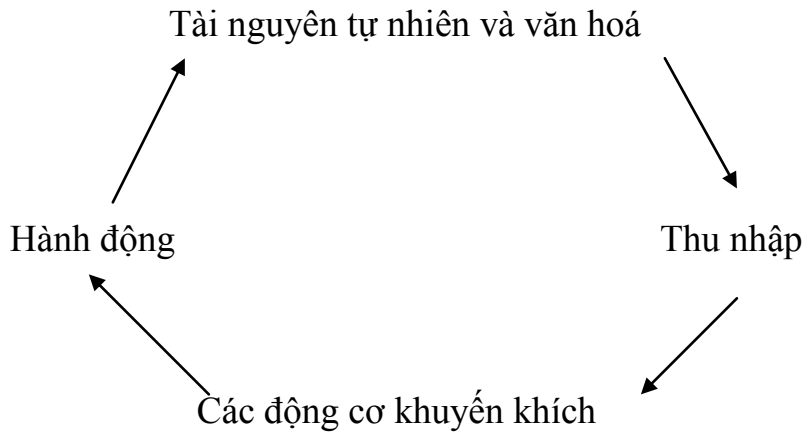

(Nguồn : Tổ chức bảo vệ tài nguyên hoang dã)

Mô hình trên cho thấy mối quan hệ giữa nguồn tài nguyên và hành động của cộng đồng, có ý nghĩa rất lớn trong phát triển DLCĐ. Có tài nguyên du lịch là đối tượng thu hút khách du lịch tạo thu nhập cho cộng đồng và khách họ tham gia các hoạt động bảo tồn, bảo vệ tài nguyên môi trường và ngược lại tài nguyên môi trường tốt sẽ hấp dẫn khách du lịch tới tham quan. Nói một cách khác đây là vòng tuần hoàn trong phát triển du lịch cộng đồng.

1.1.3 Khái niệm Vườn Quốc Gia

Hiệp hội bảo tồn thiên nhiên thế giới (IUCN) đã đưa ra định nghĩa khá hoàn chỉnh về VQG như sau: VQG là một vùng tương đối rộng nơi có một vài

hệ sinh thái không bị thay đổi về mặt vật chất do sự khai phá và xâm chiếm của con người, nơi có loài động động vật, thực vật, các sinh cảnh, các đặc điểm hình thái, địa mạo có sức thu hút đặc biệt xét về mặt khoa học, giáo dục và giải trí hay là nơi có cảnh đẹp thiên nhiên hùng vĩ. Nơi có những người có thẩm quyền cao nhất của đất nước đã triển khai những biện pháp ngăn ngừa hoặc xoá bỏ càng sớm càng tốt sự khai thác và xâm chiếm của con người trên toàn bộ khu vực và thành công trong việc buộc con người tôn trọng các đặc điểm sinh thái, địa mạo hoặc thẩm mĩ của khu vực, vì những đặc điểm này dẫn đến việc chọn khu vực làm địa điểm thành lập vườn. Nơi du khách được phép vào tham quan, dưới những điều kiện nhất định để đáp ứng được nguyện vọng, cũng như các mục đích về giáo dục văn hoá.

Việc thành lập VQG và các khu bảo tồn nhằm mục tiêu chính trong bảo tồn đa dạng sinh học và tính toàn vẹn lãnh thổ, phục vụ nghiên cứu khoa học và giáo dục môi trường, tạo môi trường du lịch. VQG phải đảm bảo được sẽ tạo điều kiện cho các thế hệ hiện nay và mai sau thưởng thức được những gì mà VQG mang lại. Như vậy VQG là những địa bàn phù hợp cho du lịch sinh thái.

1.2 Vai trò và đặc điểm của du lịch cộng đồng

1.2.1 Vai trò của du lịch cộng đồng

Một nhà nghiên cứu đã từng nói: Tình bạn và đồng minh không tồn tại vĩnh viễn mà chỉ có lợi ích là tồn tại vĩnh viễn. Do vậy, ngành du lịch muốn khai thác tài nguyên, phát triển hoạt động du lịch tại địa phương thì lợi ích của người dân nơi đây cũng phải được đảm bảo. Chính vì thế, một trong những nguyên tắc để phát triển bền vững là không thể tách rời CĐĐP tại điểm du lịch đó ra khỏi hoạt động du lịch. Bởi chính họ mới là chủ nhân của những vùng đất, là người chủ thực sự hiểu rõ, sống cùng, gắn bó và dựa vào thiên nhiên và văn hoá bản địa. Họ là những người bảo vệ, tôn tạo các giá trị văn hoá bản địa và tự nhiên của nơi diễn ra hoạt động du lịch.

" Nhìn từ góc độ kinh tế và môi trường, nếu không có sự tham gia của người dân, nguồn tài nguyên, làm cơ sở cho du lịch, sẽ có thể dần dần bị huỷ hoại và không đầu tư được nữa".

Đối với cộng đồng địa phương, ít ai hiểu rõ về DLST, DLCĐ như thế nào. Hầu hết, vì cuộc sống mưu sinh mà vô tình họ trở thành một trong những phần quan trọng của hoạt động du lịch.

Việc huy động tối đa sự tham gia của người dân địa phương vào các hoạt động du lịch như: Hướng dẫn viên, cung cấp các dịch vụ, sản xuất và bán hàng lưu niệm, đáp ứng chỗ nghỉ cho khách… Thông qua đó sẽ tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho cộng đồng địa phương từ đó cuộc sống của người dân sẽ ít bị phụ thuộc hơn vào khai thác tự nhiên.

Để người dân nhận thấy lợi ích của việc bảo vệ các nguồn tài nguyên để dễ dàng quy trách nhiệm đối với mỗi thành viên. Đòi hỏi việc huy động sự tham gia của CĐĐP không chỉ dừng lại ở những công việc trên mà cần đánh giá vai trò của họ lên tầm cao hơn, ngang bằng… bởi những lý do: Người dân địa phương là người sinh ra và lớn lên tồn tại trên vùng đất, họ sẽ là người hiểu rõ hơn ai hết về mảnh đất đó. Từ những kinh nghiệm, học hỏi, chia sẻ lẫn nhau giữa người dân địa phương và người làm du lịch, sẽ cùng hoạch định, có những giải pháp có thể can thiệp thích hợp vì lợi ích chung.

Trong quá trình khai thác tài nguyên du lịch, không chỉ đơn thuần tồn tại mối quan hệ hai chiều là giữa người làm du lịch và CĐĐP mà có rất nhiều mối quan hệ giữa các bên tham gia: giữa người dân địa phương với các nhà quản lý, người dân địa phương với khách du lịch, người dân với người làm du lịch, các công ty du lịch cùng khai thác trên một địa bàn hay nhiều địa bàn khác nhau và ngay với những người dân với nhau… Nếu các quan hệ này được phối hợp tốt sẽ tạo nên một sức mạnh tổng hợp thúc đẩy sự phát triển du lịch. Nhưng nếu không làm tốt sẽ có rất nhiều mâu thuẫn xảy ra. Chính vì thế, để điều hoà được các mối quan hệ đó là một vấn đề quan trọng bởi nó là cơ sở để cho du lịch bền vững phát triển.

DLCĐ góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và văn hoá bao gồm sự đa dạng sinh học, tài nguyên nước, rừng, bản sắc văn hoá…DLCĐ góp phần phát triển kinh tế địa phương thông qua việc tăng doanh thu du lịch và những lợi ích khác cho cộng đồng. DLCĐ có sự tham gia ngày càng đông đảo và tích cực của

CĐĐP, mang lại cho du khách một sản phẩm du lịch có trách nhiệm đối với môi trường và xã hội. Có thể nói DLCĐ mang lại rất nhiều lợi ích về mọi mặt và có vai trò rất lớn đối với nhiều vấn đề như kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng, tài nguyên môi trường của quốc gia, khu vực và chính bản thân cộng đồng.

- Đối với công tác bảo tồn tài nguyên:

+ Góp phần bảo vệ bền vững tài nguyên thiên nhiên, môi trường sinh thái.

+ Bảo tồn và phát huy các giá trị bản sắc văn hoá vật thể và phi vật thể của cộng đồng.

- Đối với du lịch:

+ Tạo ra sự đa dạng sản phẩm dịch vụ du lịch của một vùng, một quốc gia.

+ Góp phần thu hút khách du lịch.

+ DLCĐ góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên nói chung và tài nguyên du lịch nói riêng.

- Đối với cộng đồng

+ DLCĐ mang lại lợi ích kinh tế cho các thành viên trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ du lịch cho du khách. Đồng thời những thành viên khác của cộng đồng cùng được hưởng lợi từ sự tái đầu tư của nguồn doanh thu du lịch vào việc hỗ trợ cung cấp phát triển cơ sở hạ tầng góp phần thay đổi xã hội địa phương.

+ DLCĐ giúp cộng đồng nhận ra trách nhiệm của mình đối với việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên và môi trường của địa phương tại khu du lịch, từ đó tác động đến nhận thức của các cộng đồng khác về vấn đề nâng cao ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường của cộng đồng.

Như vậy có thể khẳng định rằng việc phát triển DLCĐ có vai trò rất lớn đối với mọi mặt trong xã hội. Bên cạnh những lợi ích từ DLCĐ đem lại cho xã hội thì nó cũng có những mặt trái, DLCĐ gây ra một số tác hại, ảnh hưởng xấu đối với cộng đồng địa phương và tài nguyên du lịch địa phương. Nhưng chúng

ta nhận thấy rằng vai trò của DLCĐ là rất quan trọng trên nhiều khía cạnh của cộng đồng, du lịch, thiên nhiên….

1.2.2 Đặc điểm của du lịch cộng đồng

Bởi lẽ có nhiều quan điểm về du lịch cộng đồng, tùy theo các nhà nghiên cứu, các lãnh thổ khác nhau, song chúng ta có thể nêu ra được những đặc điểm nổi bật của DLCĐ như sau:

- Sự tham gia tích cực của người dân địa phương: Họ được trao quyền làm chủ, quản lý và vừa thực hiện các dịch vụ du lịch.

- Phát triển du lịch cộng đồng đồng nghĩa với việc chia sẻ lợi ích công bằng cho cộng đồng địa phương và các bên tham gia.

- Hoạt động du lịch thu hút các cộng đồng địa phương, đem lại lợi ích cho họ, tạo cơ hội việc làm và cải thiện điều kiện sống cho họ.

- Điều kiện tiên quyết là khu du lịch hay điểm du lịch đó phải có nguồn tài nguyên du lịch đặc trưng, hấp dẫn và còn khá nguyên vẹn giá trị.

- Cộng đồng dân cư làm du lịch cộng đồng phải là người sinh sống trên địa bàn phát triển du lịch hoặc liền kề với khu vực chứa tài nguyên du lịch.

- Các dịch vụ du lịch do người dân địa phương cung cấp có tính đặc trưng, đặc thù của địa phương cao và ít mang tính chuyên môn hóa.

- Ngoài việc phát triển du lịch, cộng đồng dân cư còn có trách nhiệm bảo vệ môi trường, bảo tồn tài các giá trị tự nhiên và nhân văn của địa phương.

- Khách du lịch thường không đòi hỏi dịch vụ mang tính tiện nghi hay chất lượng cao.

- Khách du lịch thường có nhận thức cao, thích khám phá, tìm hiểu những điều mới lạ, những giá trị nguyên bản.

- Địa điểm tổ chức phát triển du lịch dựa vào DLCĐ diễn ra tại nơi cư trú hoặc gần nơi cư trú của cộng đồng địa phương. Đây là khu vực có tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn phong phú, hấp dẫn, có độ nhạy cảm về đa dạng sinh học, chính trị, văn hoá, xã hội và hiện đang bị tác động của con người.

- DLCĐ đóng vai trò quan trọng trong công việc xoá đói giảm nghèo. Điều này được thể hiện ở việc DLCĐ có tác động tích cực đối với việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế ngành nghề và lao động. Trước khi tham gia DLCĐ người dân chủ yếu sinh sống trong điều kiện kinh tế tự cung tự cấp, nghề chính của họ là sản xuất nông nghiệp. Khi DLCĐ phát triển người dân có điều kiện phát triển và các ngành nghề truyền thống phát triển và duy trì trở thành sản phẩm du lịch độc đáo. Từ đó việc tiêu thụ những sản phẩm tại chỗ được dễ dàng hơn. Thu nhập từ dịch vụ cho thuê phòng, bán hàng, chở khách, biểu diễn văn nghệ…giúp cải thiện cuộc sống của nhân dân, cùng với đó cơ cấu ngành nghề lao động cũng có sự thay đổi, hình thành các công việc mang tính du lịch mới.

- Phát triển DLCĐ góp phần làm đa dạng hoá các ngành kinh tế, trong khi vẫn duy trì và phát triển các ngành kinh tế truyền thống .

- DLCĐ còn bao gồm yếu tố trợ giúp, tạo điều kiện các bên tham gia trong đó vai trò của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ, các cấp quản lý nhà nước, Ban quản lý VQG.

Chính do những đặc điểm trên nên hệ thống các sản phẩm và dịch vụ của loại hình DLCĐ khá đa dạng và có những đặc trưng khác nhau ở mỗi khu DLCĐ riêng biệt. Điều này phụ thuộc vào đặc điểm kinh tế ,xã hội, văn hoá của dân cư tại khu du lịch.

Dưới đây là một số loại hình DLCĐ tiêu biểu :

Loại hình DLCĐ	Hình thức thể hiện
Chuyên đề đặc biệt	- Xem chim và các loài động vật quý hiếm khác - Xem lan rừng và các loại thực vật khác - Tìm hiểu cây thuốc bản địa - Học nghề thủ công, mỹ nghệ - Thưởng thức văn hoá dân gian bản địa
Du lịch mạo hiểm	- Đi bộ dã ngoại - Chèo thuyền trên sông, thác ghềnh - Bơi lặn - Leo Núi - Xem động vật hoang dã
Du lịch làng, bản	- Cùng ăn, cùng ở, sinh hoạt với dân cư địa phương - Tham quan làng bản bằng phương tiện thô sơ hoặc đi bộ
Du lịch sinh thái nông nghiệp	- Tham quan đồn điền, trang trại, khu nuôi trồng - Tham quan canh tác cùng người dân như trồng trọt, chăn nuôi, đánh bắt thuỷ hải sản . - Tham gia các hoạt động ngoài trời tại khu vực nông thôn.
Du lich trên sông kênh rạch	- Du thuyền tham quan các cảnh đẹp trên sông, ven biển khu du lịch sinh thái - Tham gia các hoạt động trên tàu ,thuyền - Nghỉ qua đêm trên thuyền
Giao lưu văn hoá tham quan học tập	- Tham gia các hoạt động hỗ trợ cộng đồng - Giao lưu văn hoá nghệ thuật dân gian - Tìm hiểu chia sẻ kinh nghiệm gìn giữ bản sắc văn hoá dân tộc với cư dân địa phương

Mặc dù đã có những sản phẩm DLCĐ khác nhau nhưng nhìn chung lại, đều có đặc điểm: Đó là DLST gắn với du lịch đồng quê, du khách trực tiếp thâm nhập các giá trị văn hoá bản địa và trải nghiệm cuộc sống dân giã tại khu du lịch.

1.3 Các nguyên tắc cơ bản về phát triển du lịch cộng đồng

Nguyên tắc để phát triển DLCĐ là người dân địa phương phải biết kết hợp với hoạt động du lịch để chia sẻ bình đẳng trong lợi ích kinh tế, xã hội và văn hoá mà họ mang lại cho cộng đồng. Đây là phương thức phát triển du lịch không chỉ hướng đến việc đáp ứng nhu cầu của khách mà còn hướng đến lợi ích cho cộng đồng dân cư địa phương. Người dân địa phương đóng vai trò quan trọng, làm vệ tinh còn doanh nghiệp đóng vai trò hạt nhân. Thực chất là các phương thức phát triển du lịch bền vững có trách nhiệm với tài nguyên môi trường cũng như phát triển cộng đồng, chủ thể của các hoạt động du lịch và nguồn lợi từ các hoạt động này là hướng vào cộng đồng.Vì vậy khi phát triển DLCĐ cần thực hiện các nguyên tắc sau:

- Du lịch cộng đồng phải đặt lợi ích của nhân dân lên trên ,cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng.
- Đưa các thành viên của cộng đồng tham gia ngay từ đầu trong tất cả các khâu.
- Phát huy niềm tự hào của cộng đồng đối với các giá trị văn hoá, tự nhiên địa phương.
- Nhận biết, hỗ trợ và phát huy quyền sở hữu cộng đồng đối với du lịch, khai thác tiềm năng của địa phương nhưng phải đảm bảo phát triển bền vững, không làm hại cho lợi ích của các thế hệ kế tiếp.
- Cải thiện chất lượng cuộc sống của cộng đồng, cân bằng lợi ích cá nhân.
- Bảo tồn các đặc điểm và văn hoá đặc trưng của địa phương ,bảo vệ môi trường.
- Thúc đẩy sự học hỏi về văn hoá của nhau.
- Tôn trọng sự khác biệt về văn hoá và nhân phẩm.
- Đóng góp một phần lợi ích cố định vào các dự án cộng đồng.
- Phân bổ lợi ích công bằng giữa các thành viên trong cộng đồng.

Hiện nay, DLST dựa vào cộng đồng được xem như một công cụ hữu hiệu của bảo tồn dựa vào cộng đồng và quản lý tài nguyên thiên nhiên dựa vào cộng đồng. Tuy nhiên không phải lúc nào DLCĐ cũng là lựa chọn phù hợp. Trong nhiều trường hợp, DLCĐ lại thích hợp hơn vì phạm vi của DLCĐ hẹp hơn rất nhiều. Không chỉ là tham gia chủ động của cộng đồng trong các khâu của dự án mà tỷ lệ thành viên cộng đồng hưởng lợi trực tiếp từ DLST phải tương đối lớn. DLST cũng là một nghành kinh doanh, có những đòi hỏi riêng đối với những đối tượng hoạt động trong lĩnh vực này. Một dự án DLST chỉ cần một số lượng lao động nhất định làm công tác quản lý, hướng dẫn khách, phục vụ, sản xuất sản phẩm du lịch bán cho khách…Do đó, một cộng đồng nhỏ dễ có khả năng phát triển DLST hơn. Trước tiên, quá trình xây dựng năng lực và chương trình nâng cao nhận thức sẽ dễ thành công hơn khi áp dụng cho một cộng đồng nhỏ. Thứ hai là tỷ lệ người hưởng lợi trực tiếp so với toàn bộ cộng đồng sẽ lớn. Nhờ vậy, DLST mới mang lại lơi ích đáng kể cho cho cộng đồng và việc phân phối lợi nhuận công bằng cho cả cộng đồng sẽ được đảm bảo. Ngược lại, đối với cộng đồng lớn, phân bố địa lý rộng, sự tham gia của họ sẽ gặp nhiều hạn chế. Không phải tất cả các thành viên cộng đồng đều có thể tham gia vì nếu toàn bộ một cộng đồng rộng lớn cùng tham gia, sẽ khó đạt được sự thống nhất và hiệu quả. Nhu cầu thị trường có giới hạn và cung phải tương thích với cầu. Phạm vi của DLST rất rộng, các hoạt động DLST có thể mở rộng phạm vi ra xung quanh mà không nhất thiết đa số thành viên cộng đồng dân cư ở đó phải tham gia một cách tích cực và chủ động như DLCĐ.

1.4 Các điều kiện hình thành và phát triển du lịch cộng đồng

Các chuyên gia đều cho rằng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng phụ thuộc vào các điều kiện cơ bản là:

- *Tài nguyên du lịch đa dạng, phong phú và mang tính đặc trưng cao*

Đây là điều kiện có ý nghĩa quyết định đến phát triển du lịch dựa vào cộng đồng. Tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử, di tích cách mạng, giá trị nhân văn, công trình lao động sáng tạo của con người có thể sử dụng nhằm thỏa mãn nhu cầu du lịch; là yếu tố cơ bản để hình thành các điểm

du lịch, khu du lịch nhằm tạo ra sự hấp dẫn du lịch (Pháp lệnh Du lịch Việt Nam, 1999).

Như vậy ngay trong định nghĩa của tài nguyên du lịch đã cho thấy tầm quan trọng của nó. Nó được xem như tiền đề phát triển của bất cứ loại hình du lịch nào. Thực tế cho thấy, tài nguyên du lịch càng phong phú hấp dẫn bao nhiêu, càng đặc sắc bao nhiêu thì sức hấp dẫn và hiệu quả hoạt động du lịch càng cao bấy nhiêu.

Nó bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch nhân văn:

- Tài nguyên du lịch tự nhiên bao gồm các yếu tố hợp phần tự nhiên, các hiện tương tự nhiên và quá trình biến đổi của chúng, tạo nên các điều kiện thường xuyên tác động đến sự sống và hoạt động của con người được sử dụng vào mục đích du lịch.

- Tài nguyên du lịch nhân văn là nhóm tài nguyên du lịch có nguồn gốc nhân tạo, nghĩa là do con người sáng tạo ra; bao gồm toàn bộ những sản phẩm có giá trị về vật chất cũng như tinh thần do con người sang tạo ra có giá trị phục vụ du lịch.Các giá trị đó lại được phân ra thành các giá trị văn hóa vật thể như các di tích văn hóa, lịch sử, các sản phẩm truyền thống…hay các giá trị văn hóa phi vật thể như các phong tục, tập quán, các lễ hội…của cộng đồng.

Du lịch cộng đồng được xác lập trên một địa điểm xác định gắn với các giá trị tài nguyên sẵn có của nó, là sự hòa quyện của các giá trị tự nhiên và nhân văn. Có thể nói nếu không có tài nguyên du lịch thì không thể phát triển du lịch.Vì vậy đứng trên góc độ địa lý thì việc nghiên cứu tài nguyên du lịch luôn là nền tảng cho sự phát triển du lịch địa phương.

❖ *Điều kiện về yếu tố cộng đồng là sự tham gia rộng rãi và hiệu quả*

Điều này dược đánh giá trên các yếu tố số lượng thành viên, bản sắc dân tộc, phong tục tập quán, trình độ học vấn và nhận thức trách nhiệm về tài nguyên và phát triển du lịch. Xác định phạm vi cộng đồng là những dân cư sinh hoạt và lao động cố định, lâu dài trong hoặc liền kề vùng có tài nguyên thiên nhiên.

Cộng đồng dân cư đóng vai trò xuyên suốt trong hoạt động du lịch, vừa là

chủ thể tham gia trực tiếp vào hoạt động du lịch, vừa là người quản lý, có trách nhiệm bảo tồn tài nguyên du lịch. Các yếu tố cộng đồng quyết định tới sự phát triển du lịch cộng đồng là:

- Sự ý thức về tầm quan trọng cũng như tính chuyên nghiệp trong việc cung cấp một sản phẩm du lịch đúng nghĩa; điều đó phải bắt nguồn từ việc nhận thức về lợi ích của du lịch cộng đồng tới sự phát triển bền vững về kinh tế, văn hóa và môi trường của cộng đồng.

- Ý thức tự hào về cộng đồng tức là tự hào về truyền thống văn hóa bản địa.

- Ý thức về trách nhiệm bảo tồn các tài nguyên tự nhiên, môi trường và văn hóa bản địa.

- Cộng đồng phải có một trình độ văn hóa nhất định để hiểu được các giá trị văn hóa bản địa, tiếp thu và ứng dụng các kiến thức văn hóa và kỹ thuật phù hợp vào hoạt động du lịch.

- Cộng đồng phải có trình độ hiểu biết về hoạt động du lịch để từ đó cân bằng giữa lợi ích kinh tế và văn hóa, môi trường, giữa văn hóa bản địa và nhu cầu của khách; đó là cơ sở để không làm mai một các giá trị văn hóa bản địa dẫn tới sự xuống cấp của các sản phẩm du lịch đặc trưng.

❖ *Điều kiện về cơ chế chính sách tạo môi trường thuận lợi cho việc phát triển du lịch và sự tham gia của cộng đồng*

Trước tiên ta phải kể đến chủ trương của Đảng và Nhà nước. Chủ trương của Nhà nước thể hiện ở mục tiêu phát triển và chiến lược phát triên du lịch quốc gia đến các văn bản pháp luật có tính pháp lý với việc quản lý hoạt động du lịch. Nếu Nhà nước có chủ trương phát triển du lịch thì có các chính sách thuận lợi thu hút khách du lịch và đầu tư cho du lịch.Từ đó Nhà nước sẽ có những đầu tư cho địa phương như hỗ trợ vốn, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ đào tạo về kỹ thuật làm du lịch.

Chính quyền địa phương có vai trò quan trọng trong điều kiện phát triển du lịch công đồng. Bằng quyền lực của mình, họ có thể bác bỏ, cấm đoán hay khuyến khích việc xây dựng điểm du lịch cũng như phát triển du lịch. Sự yểm

trợ cũng như ủng hộ của chính quyền địa phương thể hiện ở các mặt:

- Tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch đến tham quan như việc cấp thủ tục hành chính, các quy định không quá khắt khe đối với khách du lịch.

- Khuyến khích và hỗ trợ địa phương tham gia hoạt động du lịch: Hỗ trợ đầu tư về vốn, kỹ thuật cho cộng đồng, có những chính sách thông thoáng, mở cửa đối với các tổ chức, đoàn thể tham gia phát triển du lịch.

- Tham gia định hướng chỉ đạo và quản lý các hoạt động du lịch.

- Tạo môi trường an toàn cho khách du lịch bằng các biện pháp an ninh cần thiết

❖ *Nguồn cầu của du lịch là động lực để phát triển du lịch cộng đồng của địa phương*

Đối tượng của du lịch bao giờ cũng là khách du lịch. Đứng dưới góc độ du lịch nói chung, họ là khách thể, là yếu tố tạo ra thị trường. Và hơn hết có cầu thì mới có cung, do đó cho thấy tầm quan trọng mang tính quyết định sự hình thành và phát triển của một loại hình du lịch cũng như điểm du lịch. Khách du lịch có động cơ là tiếp cận các nguồn tài nguyên du lịch ở địa phương cũng như nhu cầu có bản khác. Cộng đồng địa phương sẽ có được lợi ích khi cung cấp các sản phẩm du lịch cho khách. Nếu nhu cầu của khách du lịch cao thì nguồn cung cũng phải tương ứng. Như vậy khách du lịch là động lực phát triển cho du lịch.

❖ *Sự hỗ trợ, giúp đỡ của các tổ phi chính phủ trong và ngoài nước về nhân lực, tài chính và kinh nghiệm phát triển du lịch dựa vào cộng đồng*

Tổ chức phi chính phủ là các tổ chức hoạt động vì mục đích phát triển cộng đồng trong nhiều lĩnh vực nhu kinh tế, văn hóa, du lịch, môi trường và giáo dục…Trong bối cảnh điều kiện kinh tế, xã hội của đất nước nói chung cũng như địa phương nói riêng còn khó khăn thì sự hỗ trợ của các tổ chức này là rât quan trọng. Đối với du lịch cộng đồng, sự hỗ trợ thể hiện ở các mặt:

- Sự nghiên cứu về tiềm năng du lịch địa phương cùng những giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường tạo tiền đề cho sự phát triển du lịch.

- Sự hỗ trợ về vốn, kỹ thuật và đào tạo nguồn nhân lực cho địa phương.

❖ *Sự liên kết với các doanh nghiệp du lịch trong vấn đề tuyên truyền quảng cáo thu hút khách du lịch*

Trong điều kiện phát triển du lịch hiện nay thì doanh nghiệp du lịch vẫn đóng vai trò lớn đối với địa phương. Đối với du lịch cộng đồng thì các doanh nghiệp du lịch lữ hành là rất quan trọng. Các doanh nghiệp đóng vai trò tiên phong trong việc tiếp cận khách du lịch, tạo dựng các sản phẩm du lịch, các tua du lịch…Nó giống như các doanh nhân trong thời đại kinh tế thị trường ngày nay, luôn luôn đi trước một bước trong chiến lược kinh doanh cũng như những bước đột phá phát triển kinh tế của đất nước.Mô hình du lịch ở Bản Lác, Mai Châu là một ví dụ. Hoạt động du lịch của người dân hoàn toàn tự phát, không có nhiều sự giúp đỡ, hỗ trợ từ chính phủ và các tổ chức phi chính phủ. Song nhờ các doanh nghiệp du lịch dẫn khách tới mà lượng khách ngày càng đông. Hiện nay du lịch cộng đồng ở Bản Lác đã trở thành điểm du lịch hút khách và có thương hiệu.

Công tác tiếp thị được coi là rất quan trọng, được coi là công tác kích cầu, tạo điều kiện cho khách du lịch biết tới du lịch địa phương và những cơ hội tiếp cận với điểm du lịch. Hoàn thiện chiến lược quảng bá và xúc tiến du lịch tạo điều kiện cho du khách khám phá bản sắc văn hóa bản địa trong phong cảnh tự nhiên hoang sơ, đồng thời nâng cao thu nhập và gìn giữ, bảo tồn các giá trị tự nhiên và nhân văn.

1.5 Xu hướng phát triển du lịch và DLCĐ trên thế giới và Việt Nam hiện nay.

Hiện nay du lịch là mà một ngành mà tất cả các quốc gia trên thế giới đều chú trọng đầu tư phát triển vì lợi ích du lịch, nó mang lại công ăn việc làm góp phần tăng thu nhập cho người lao động, tăng ngân sách cho địa phương, quốc gia có tài nguyên du lịch. Đồng thời du lịch là một ngành có liên quan đến nhiều lĩnh vực, nhiều ngành, tổ chức và có sự tham gia đông đảo của nhiều tổ chức cộng đồng dân cư. Ở một số nước đã chứng minh rằng khi du lịch có sự tham gia của cộng đồng đã góp phần không nhỏ vào việc phát triển các dịch vụ cung cấp cho du khách, bảo vệ tài nguyên môi trường.

Du lịch đã trở thành cầu nối văn hoá các quốc gia trên thế giới ,tạo ra khả năng giao lưu học hỏi, hợp tác giữa các quốc gia, dân tộc, khoảng cách biên giới dần được xoá đi, đưa loài người xích lại gần nhau hơn vì sự phát triển chung của toàn cầu.

Một cuộc điều tra nghiên cứu thị trường khách du lịch cộng đồng quy mô lớn của hiệp hội DLST thế giới năm 2002-2003 đã cho thấy những xu hướng du lịch mới của nền công nghiệp du lịch toàn cầu.

Ngày nay du khách có nhu cầu nâng cao trong việc tìm hiểu thông tin và học hỏi. Tìm hiểu khi đi du lịch trong nhiều lĩnh vực như kinh tế văn hoá, phong tục tập quán, thông tin giáo dục, môi trường…

Du khách muốn tìm hiểu vấn đề văn hoá xã hội, chính trị, tiếp xúc với người dân địa phương, ẩm thực địa phương hay nghỉ tại các cơ sở lưu trú quy mô nhỏ của dân bản địa. Các tác động đến môi trường và trách nhiệm của khách sạn tại điểm đến được khách quan tâm hàng đầu bởi có như vậy khách du lịch mới có cơ hội đi du lịch tại các điểm, khu vực không bị ô nhiễm, nhân văn độc đáo, nguyên sơ, làm cho chuyến đi của họ có ý nghĩa xã hội nhân văn hơn. Khách du lịch cũng thể hiện trách nhiệm cao hơn của mình bởi khả năng chi trả cho các nỗ lực bảo tồn tài tài nguyên du lịch tại điểm đến. Người ta đã thống kê và cho biết 60% khách du lịch Mỹ sẵn sàng đi tour với công ty du lịch bảo vệ văn hoá lịch sử của điểm đến dẫu có giá cao hơn 5-7 % khách Anh, Úc sẵn sàng trả thêm tiền cho tới 1.500 USD cho hai lần nghỉ tại khách sạn có chính sách bảo vệ môi trường địa phương. Trong nghiên cứu về dự án hỗ trợ du lịch bền vững tại sapa đã cho thấy khách quốc tế sẵn sàng trả 4-5 lần phí tham quan nếu tiền thu được sử dụng cho cộng đồng.

Trên thế giới nhiều mô hình DLCĐ đã mang lại kết quả cao như mô hình phát triển DLCĐ tại làng du lịch ở thôn nham-Quế lâm –Trung Quốc, làng du lịch người da đỏ ở Bang Massa chu Sehs –Mỹ, khu du lịch Vườn Quốc Gia GuNung Hari Mun–Indonesia.

Nắm bắt được lợi ích, xu thế phát triển chung của DLCĐ trên thế giới, các nhà hoạt động du lịch Việt Nam đã và đang phối hợp với các tổ chức quốc

tế, chính quyền cộng đồng địa phương xây dựng các mô hình DLCĐ ở các địa phương có tiềm năng phát triển du lịch phong phú. Bước đầu mô hình đã khẳng định được vị thế của mình và thu hút được rất nhiều khách đến tham quan đặc biệt là khách quốc tế. Ở Việt Nam mô hình DLCĐ được bắt đầu nghiên cứu và đưa vào thử nghiệm từ năm 2000 và đến nay, đã có một số mô hình được ghi nhận và mang lại nhiều hiệu quả như mô hình DLCĐ tại VQG Ba Bể, khu du lịch Suối Voi, khu du lịch cộng đồng Vân Long - Ninh Bình và Việt Hải - Hải Phòng.

Tiểu kết chương 1:

Chương 1 là cơ sở lý luận về vấn đề có liên quan tới đề tài đó là DLCĐ. Đây là cơ sở, tiền đề quan trọng để tiếp cận với du lịch cộng đồng trên cơ sở đó có thể xây dựng và phát triển DLCĐ tại Vườn Quốc Gia Cúc Phương.

Có thể nói hiện nay ngành du lịch Việt Nam và thế giới đã và đang phát triển mạnh mẽ và hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. DLCĐ là một trong những phương thức phát triển du lịch đang được chú ý và có khả năng phát triển hơn nữa. Trong giai đoạn hiện nay du lịch phát triển là phương thức hữu hiệu góp phần thúc đẩy phát triển du lịch một cách bền vững trong tương lai. DLCĐ mang lại ý nghĩa to lớn đối với cộng đồng dân cư và kinh tế của địa phương, mang lại rất nhiều những lợi ích về mọi mặt và có vai trò to lớn trong các mặt của đời sống như : kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, an ninh quốc phòng…Chính bởi những lợi ích và vai trò trên mà phát triển DLCĐ là một tất yếu.

Phát triển DLCĐ góp phần bảo vệ tài nguyên thiên nhiên bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể của cộng đồng địa phương. Bên cạnh những lợi ích có được từ DLCĐ thì nó cũng gây ra một số tác hại tới cộng đồng địa phương và tài nguyên du lịch. Nhưng dù sao DLCĐ cũng đã mang lại tầm quan trọng trên nhiều lĩnh vực của đời sống.

CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở VQG CÚC PHƯƠNG

2.1 Khái quát về VQG Cúc Phương

2.1.1 Lịch sử hình thành VQG Cúc phương

Vườn Quốc Gia Cúc Phương cách thủ đô Hà Nội 120km về phía Nam, nằm lọt sâu trong lòng dãy núi Tam Điệp, có một mảnh đất nhỏ đã trở nên vô cùng quen thuộc, thân thương, gợi lên tính hiếu kỳ cho biết bao du khách trong và ngoài nước, đó là Vườn Quốc Gia Cúc Phương – Vườn quốc gia đầu tiên và cũng là đơn vị bảo tồn thiên nhiên đầu tiên của Việt Nam.

Vườn Quốc Gia Cúc Phương là một khu bảo tồn thiên nhiên, khu rừng đặc dụng nằm trên địa phận ba tỉnh: Ninh Bình, Thanh Hoá, Hoà Bình. Vườn quốc gia này có hệ động thực vật phong phú đa dạng mang đặc trưng rừng mưa nhiệt đới. Nhiều loài động vật có nguy cơ tuyệt chủng cao được phát hiện và bảo tồn tại đây.

Vườn quốc gia Cúc Phương là nơi mang những giá trị lịch sử và là một địa điểm khảo cổ. Các di vật của người tiền sử có niên đại cách đây khoảng 12000 năm đã được phát hiện tại Vườn Quốc Gia, chứng tỏ con người đã từng sinh sống tại khu vực Cúc Phương từ 7.000 đến 12.000 năm trước. Người ta đã phát hiện một loạt các hiện vật như mồ mả, rìu đá ,mũi tên đá, dao bằng vỏ sò, dụng cụ xay nghiền… trong một số hang động thuộc Vườn quốc gia này. Gần đây, một bộ phận xương của một loài lưỡng cư biển, rất có thể là thằn lằn cá (Ichthyosaurus spp). Đã được phát hiện ở trong địa bàn vườn. Đây là khám phá đầu tiên của loài này ở Việt Nam.

Năm 1960 rừng Cúc Phương được công nhận là khu bảo tồn rừng và được thành lập theo quyết định 72/TTg ngày 7 tháng 7 năm 1962 như là một khu rừng cấm với diện tích 20.000 ha đánh dấu sự ra đời khu bảo vệ đầu tiên của Việt Nam.

Quyết định số 18/QĐ – LN ngày 8 tháng 1 năm 1966 chuyển hạng lâm trường Cúc Phương thành Vườn quốc gia Cúc Phương và thành lập một Ban quản lý Vườn quốc gia này.

Quyết định số 333/QĐ-LN ngày 23 tháng 5 năm 1966 quy định chức năng và trách nhiệm của Ban quản lý.

Ngày 9 tháng 8 năm 1966 Cúc Phương được nêu danh sách các khu rừng đặc dụng theo Quyết định số 194/CT của Chủ tịch Hội Đồng Bộ Trưởng với phân hạng quản lý là Vườn quốc gia và diện tích đực quyết định là 25.000 ha. Luận chứng kinh tế kỹ thuật của Vườn quốc gia đã được Viện điều tra quy hoạch rừng xây dựng vào tháng10 năm 1985. Luận chứng này sau đó được Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng phê duyệt ngày 9 tháng 5 năm 1988 theo quyết định số 139/CT. Trong luận chứng, ranh giới của của Vườn quốc gia đã được xác định lại và tổng diện tích được đưa ra là 22.200 ha, bao gồm 11.350 ha thuộc địa giới huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình 5.880 ha thuộc địa giới huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá và 5000 ha thuộc địa giới huyện Yên Thuỷ, Lạc Sơn tỉnh Hoà Bình.

2.1.2 Chức năng của Vườn quốc gia Cúc Phương .

Nằm trong bốn loại của hệ thống rừng đặc dụng Việt Nam, Cúc Phương được xếp vào loại thứ hai : Vườn quốc gia "là khu bảo vệ có giá trị sử dụng toàn diện về các mặt bảo vệ thiên nhiên, nghiên cứu khoa học, bảo tồn di tích văn hoá, phục vụ tham quan du lịch".

Vườn quốc gia Cúc Phương được thành lập với ba chức năng cơ bản sau :

+ Bảo vệ thiên nhiên, bảo tồn di tích văn hoá.

+ Nghiên cứu và phục vụ khoa học.

+ Phục vụ tham quan du lịch.

Để thực hiện các chức năng trên ,luận chứng kinh tế - kỹ thuật đã xác định các nhiệm vụ cụ thể của Vườn quốc gia Cúc Phương như sau :

+ Quản lý, bảo vệ toàn bộ hệ sinh thái tự nhiên còn nguyên vẹn của Vườn, mọi giá trị tài nguyên văn hoá, lịch sử, khảo cổ, các cảnh quan có giá trị thẩm mỹ đặc biệt, phục hồi những khu vực đã bị tác động hoặc tàn phá.

+ Tổ chức điều tra, nghiên cứu khoa học, thực nghiệm, phục vụ công tác bảo vệ phục hồi, quản lý khai thác nguồn tài nguyên một cách hợp lý.

+ Đảm nhiệm dịch vụ du lịch, tôn trọng luật lệ, nguyên tắc bảo vệ, sử

dụng tài nguyên của Vườn quốc gia, tạo điều kiện cho mọi người tham quan học tập, giải trí, thưởng thức giá trị của Vườn quốc gia, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường.

Trong ba nhiệm vụ chủ yếu trên thì hai nhiệm vụ sau cũng tạo điều kiện hỗ trợ cho nhiệm vụ đầu tiên và quan trọng nhất là bảo tồn .Phát triển du lịch ở đây đòi hỏi sự tôn trọng nghiêm ngặt các luật lệ cũng như các nguyên tắc bảo vệ và sử dụng nguồn tài nguyên của vườn quốc gia.

2.2 Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại VQG Cúc Phương và khu vực các xã vùng đệm .

2.2.1 Điều kiện tự nhiên khu vực VQG Cúc Phương

❖ *Địa chất – địa hình*

Khu vực Cúc Phương được hình thành bởi chuyển động tạo sơn Kimeri (vào cuối kỷ Jura ,đầu kỷ Kreta), trong đầu nguyên đại trung sinh kỷ Trias cách ngày nay khoảng 260 triệu năm. Khu vực được tạo thành bởi các loại mẫu chất sau:

Đá vôi sét, thuộc hệ tầng Tân Lạc tuổi Trias sớm.

Đá vôi thuộc hệ tầng Đồng Giao tuổi Trias giữa.

Đá vôi sét, thuộc hệ tầng Nậm Thắm tuổi Trias giữa.

Trầm tích biển thuộc hệ tầng Vĩnh Phúc.

Thành tạo Humit thuộc hệ tầng Hải Hưng.

Vườn quốc gia Cúc Phương nằm ở phía Đông Nam của dãy núi Tam Điệp, một dãy núi đá vôi chạy từ tỉnh Sơn La ở hướng Tây Bắc. Dãy núi vôi này với ưu thế là kiểu Karst tự nhiên, hình thành trong lòng đại dương cách đây khoảng 200 triệu năm. Dãy núi này nhô lên đến độ cao 636m tạo thành một nét địa hình nổi bật giữa một vùng đồng bằng. Phần dãy núi đá vôi bao quanh VQG có chiều dài khoảng 25km và rộng đến 10km, ở giữa có một thung lũng chạy dọc gần hết chiều dài của dãy núi.

Thuộc dạng địa hình kartst nửa che phủ, Cúc Phương nằm trọn vẹn trong cảnh địa lý đồi kartst xâm thực, tạo nên các hang động đẹp. Các hang động này đều có thể khai thác cho tham quan, nghiên cứu như: Động người xưa, Hang Con Moong, Động Phò Mã giáng, Động Trăng Khuyết…

Cúc Phương có 3 dạng địa hình chính liên quan đến hai loại sản phẩm cấu tạo đất chủ yếu với các loại đá mẹ khác nhau:

- Địa hình núi cao, dốc đứng: Sản phẩm đá vôi.
- Địa hình bãi bằng, thung lũng đẹp: Sản phẩm bồi tụ.
- Địa hình núi thấp và ít dốc: Sản phẩm đất sét.

❖ *Khí hậu*

Theo số liệu thu thập tại trạm khí tượng Cúc Phương từ năm 1992-2002 nhiệt độ bình quân của Cúc Phương là 22,5°C. Biến thiên độ trung bình năm từ 13- 15°C. Độ ẩm không khí cao với độ ẩm tương đối trung bình năm gần 85%. Lượng mưa trung bình năm đo được là 1681mm với mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10. Mùa khô lạnh bắt đầu tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Đây cũng là thời điểm thú rừng ra ngoài kiếm ăn nhiều nhất.

Điều kiện thời tiết khí hậu ảnh hưởng nhiều đến hoạt động du lịch của VQG Cúc Phương. Mùa hè là thời gian khách Việt Nam hay đi chơi, nghỉ mát. Khí hậu điều hoà, mát mẻ của rừng là một trong những nét hấp dẫn đối với khách du lịch từ các thành phố, đô thị lớn…Thế nhưng, mùa hè đồng thời là mùa mưa bão khiến các hoạt động du lịch gặp khó khăn. Môi trường ẩm ướt, nhiều vắt và đường trơn ướt gây trở ngại đến hoạt động đi xuyên rừng. Mùa khô là thời điểm thích hợp nhất để quan sát thú đêm vì thú rừng hay ra ngoài ăn vào thời điểm này. Tuy nhiên, nhiệt độ trong rừng hạ xuống thấp lại gây trở ngại khác cho chuyến đi.

❖ *Thuỷ văn*

Trừ sông Bưởi, sông Ngang, các suối ở khu vực Cúc Phương đa số thuộc suối cạn xuất hiện theo mùa mưa dạng karst tương đối điển hình .Có nhiều hang động, mắt hút nước và dòng chảy ngầm. Ao hồ ở đây không nhiều, Hồ lớn nhất là khu Hồ Yên Quang, một hồ nhân tạo nằm phía Đông Nam của VQG.

❖ *Tài nguyên Sinh Vật*

Cúc Phương có đặc trưng là rừng mưa nhiệt đới, xanh quanh năm. Với diện tích nhỏ, chỉ bằng 1/1500 lần diện tích của cả nước nhưng đã phát hiện được 1983 loài thực vật, chiếm 17.27 % trong tổng số loài thực vật của Việt

Nam. Bước vào rừng già nguyên thuỷ Cúc Phương con người cảm thấy sững sờ, nhỏ bé khi lạc vào thế giới hoang sơ đậm màu xanh kỳ vỹ trường tồn. Hàng chục người ôm mới hết chu vi những cây đại thụ tuổi ngàn năm cao chọc trời từ 45 đến 75m, sống âm thầm trước bão táp nắng mưa mà trở nên khổng lồ. Để đứng vững chúng phải có bộ rễ thật đồ sộ, phần chìm sâu dưới lòng đất, phần nổi dựng đứng như thành, chạy dài hàng chục mét như cây đăng cổ thụ cao 45m, đường kính 5m; cây Vù hương cao 45m, đường kính 2,5m; cây Chò chỉ cao 70m, đường kính 1,5m; cây Sấu cổ thụ cao 45m, đường kính 2,5m với hệ thống bạnh vè cao chừng 10m chạy dài 20m tựa như bức tường thành; cây Chò xanh ngàn năm cao 45m, chu vi gốc 25m.

Có những loài không phải là cây gỗ lớn, không thuộc tầng rừng nào, chúng sống nương nhờ vào thân cây khác, đó là các loài tổ diều, phong lan, tầm gửi. Rừng nhiệt đới là xứ sở huyền diệu của các loài phong lan với hoa lạ, rất thanh tao, quý phái ví như những cô gái kiều diễm tô hương sắc trong rừng.

Hệ dây leo trong VQG Cúc phương cũng muôn hình, muôn vẻ, chúng trườn từ cây này sang cây khác như những con trăn khổng lồ. Giống như các loài phong lan, tổ diều, các loài dây leo mềm yếu cũng phải dựa vào cây chủ, cắm chân từ mảnh đất ẩm ướt, vươn ngọn quấn quanh cây chủ mà leo dần để đón ánh mặt trời.

Khác với loài dây leo lại có loài cây ống bội bạc làm sao, chúng sinh từ trên cây khác và thả rễ quấn quanh thân cây chủ, khi rễ bám đất chúng phát triển rất nhanh rồi bóp chết cây củ bằng bộ rễ khổng lồ - người ta gọi đó là loài Đa bóp cổ, một hiện tượng quái dị trong thế giới thực vật vô tri vô giác. Thế mới biết cuộc sống sinh tồn của cỏ cây cũng cam go khốc liệt, thế giới thực vật vô cùng phong phú như vô tận, chứa đựng biết bao điều bí ẩn.

Chẳng thua kém thế giới thực vật, khu hệ động vật Cúc Phương cũng rất đa dạng và phng phú. Theo số liệu điều tra mới nhất Cúc Phương có 89 loài thú, 307 loài chim, 110 loài bò sát và lưỡng cư, 65 loài cá và gần 2000 loài côn trùng.

Trong các loài thú của Cúc Phương, nhiều loài đã được xếp vào loại quý

hiếm như báo gấm, báo lửa, gấu ngựa…và nhiều loài đặc hữu của Cúc Phương như sóc bụng đỏ…sống trên núi đá vôi phổ biến là các loài linh trưởng như khỉ mặt đỏ, khỉ vàng, vượn, voọc, ban ngày chúng lang thang kiếm ăn, đêm về trú ngụ trong hang động. Ở Cúc Phương có một loài thú linh trưởng rất đẹp, ngoài Việt Nam chúng không còn tồn tại nơi nào khác trên thế giới, đó là loài Voọc mông trắng – một báu vật của tạo hoá, loài voọc này đã được chọn làm biểu tượng của VQG Cúc Phương.

Cúc phương còn là nơi cư trú của nhiều loài chim nhiệt đới và nhiều sắc lông, kích cỡ, âm thanh, giọng hót…Từ mờ sáng đến chiều tối rừng già vang lên không dứt bản hoà tấu của các loài chim. Trong tổng số 307 loài, Cúc Phương có rất nhiều loài chim quý hiếm chẳng hạn như gà lôi trắng, chim gõ kiến đầu đỏ, chim phượng hoàng đất đuôi cụt, bụng vằn… Chính vì vậy, Cúc Phương được chọn là một trong những điểm lý tưởng để các nhà khoa học trong nước và trên thế giới tham quan và nghiên cứu về các loài chim.

Thế giới côn trùng Cúc Phương cũng đa dạng và muôn hình muôn vẻ, trước những kẻ thù, các loài côn trùng nhỏ bé yếu đuối, chỉ có cách ẩn mình trốn tránh. Có loài được tạo hoá cho phép tàng hình, như loài bọ lá thân hình giống như chiếc lá tươi khi chúng ẩn mình vào cỏ cây thì khó có đôi mắt tinh tường nào biết được. Có loài bọ que giống hệt cành cây nhỏ, khẳng khiu, ngộ nghĩnh, đây cũng thực sự là những kiệt tác của tạo hoá. Mùa bướm nở, rừng già như trẻ lại tưng bừng lấp lánh ngàn vàng, bướm nhiều vô kể đủ dạng, đủ màu phơi bày như một bức tranh kỳ ảo. Bởi vậy, Cúc Phương được chọn là điểm đến của nhiều du khách trong kỳ nghỉ hè.

2.2.2 Các yếu tố văn hoá, lịch sử

Từ xa xưa, Cúc Phương còn là nơi cư trú và sinh sống của đồng bào Mường với những nét văn hoá riêng. Đó là những nếp nhà sàn, những trang phục, những phong tục tập quán, lễ hội cồng chiêng, những điệu hò…mang đậm sắc thái văn hoá dân tộc Mường.

Năm 2000 Cúc Phương đã phát hiện một hoá thạch động vật xương sống. Hoá thạch lộ ra trong đá vôi phân lớp dầy, theo kết luận ban đầu của Viện Cổ

Sinh học Việt Nam, đây là hoá thạch của một loài Placodontia (Bò sát răng phiến) sống cách ngày nay chừng 200 đến 230 triệu năm và là hoá thạch lần đầu tiên tìm thấy ở Đông Nam Á.

Như vậy, hoá thạch của loài bò sát, các dấu tích của Động người xưa, hang Con Moong, cuộc sống của cư dân dân tộc Mường thực sự là một trang văn hoá, lịch sử độc đáo và có giá trị của Cúc Phương. Những cứ liệu này đã bổ sung cho kho tàng văn hoá, lịch sử và khoa học Cúc Phương, đặc biệt cho ta rõ thêm bề dày lịch sử thiên nhiên và con người trên mảnh đất Cúc Phương này.

2.2.3 Đặc điểm kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư sống ở khu vực VQG Cúc Phương

VQG Cúc Phương có một phần đất đai nằm trên địa bàn quản lý của 16 xã thuộc 4 huyện và 3 tỉnh.

- 4 huyện là: Thạch Thành (tỉnh Thanh Hoá), Yên Thuỷ (Hoà Bình), Lạc Sơn (Hoà Bình), Nho Quan (Ninh Bình).

- Gồm 16 xã là: Thạch Lâm, Văn Phương, Cúc Phương, Kỳ Phú, Yên Quang, Ngọc Lương, Thành Mỹ, Thành Yên, Thạch Yên, Lạc Thịnh, Yên Lạc, Phú Lai, Yên Trị, Hàng Trạm, An Nghĩa, Yên Nghiệp.

- Có 4 thôn Đồi, Biện Đông, Biện Tây và bản Khanh là nằm hoàn toàn trong vùng lõi của Vườn còn lại 5 thôn khác như : Nội Thành, Thống Nhất, Nghéo, Nga 1 và Nga 2 có một phần thuộc vùng lõi.

- Cúc Phương và Kỳ Phú là hai xã thuộc vùng đệm nằm sát ngay cổng VQG Cúc Phương. Là hai xã miền núi nên dân số không đông, tập trung không đều, chủ yếu ở ven đường giao thông chính, thưa thớt ở núi cao và khu vực VQG.

Bảng 2.1: Dân số và sự phân bố dân cư xã Cúc Phương và Kỳ Phú

Xã	Dânsố (người)	Diện tích (km2)	Mật độ dân số (người /km2)
Kỳ Phú	4950	57,0	87
Cúc Phương	2640	123,7	21

(Nguồn : phòng thống kê xã)

Mật độ dân số trung bình của các xã vùng đệm là 138 người /km^2 nhưng phân bố không đều. Một số xã có mật độ dân số thấp như Cúc Phương 21 người /km^2, Thạch Lâm 38 người /km^2, Kỳ Phú 87 người /km^2 trong khi có xã mật độ đông đến 454 người /km^2 như ở Văn Phương. Về thành phần dân tộc, dân cư sống ở khu vực VQG chủ yếu là người Kinh và người Mường. Dân bản địa ở đây vốn là người dân tộc Mường còn người Kinh sau này mới di dân đến. Hiện nay, người Mường tập trung chủ yếu ở các thôn bản thuộc vùng núi các xã Yên Nghiã, Ân Nghĩa, Thành Mỹ, Văn Phương, Thành Yên,Thạch Lâm.

Bảng 2.2: Thành phần dân tộc của cộng đồng sống ở khu vực VQG Cúc Phương .

Huyện	Lạc Sơn	Nho Quan	Thạch Thành	Yên Thuỷ
Năm điều tra	2010	2010	2010	2010
Kinh (%)	9,7	88,1	55,48	28,9
Mường (%)	90,3	11,9	44,26	64,05

(Nguồn : Ban quản lý VQG Cúc Phương)

Nhìn chung đời sống của người dân trong và ngoài vùng đệm còn gặp nhiều khó khăn, dân số tăng nhanh, diện tích canh tác ngày càng hạn hẹp nguồn thu nhập chính dựa vào nông nghiệp là chủ yếu. Trong vùng đệm, diện tích lúa nước chiếm gần 52% tổng diện tích đất nông nghiệp, diện tích đất màu chiếm 21,9 % và diện tích cây công nghiệp là 26,2%. Xét về cơ cấu cây trồng như: ngô, lúa, sắn vẫn là cây trồng chính tại các thôn bản ở Ninh Bình và Hoà Bình. Riêng ở xã Cúc Phương và Kỳ Phú, nhiều hộ dân đã chuyển sang trồng Mía theo chính sách mở rộng vùng nguyên liệu xuống Ninh Bình của nhà máy mía đường Việt – Đài, Thanh Hoá. Đa số thôn vùng đệm ở Thanh Hoá nằm trong vùng nguyên liệu chính của nhà máy nên mía đã trở thành cây trồng chính từ nhiều năm nay. Hiện nay, trồng mía đang mang lại nguồn thu nhập chính, cải thiện đáng kể đời sống của người dân vì mỗi năm các hộ trồng mía thu lại được hàng chục triệu đồng sau khi bán cho nhà máy mía đường.

Chăn nuôi tạo nguồn thu nhập đáng kể cho nhiều hộ gia đình thuần nông. Hầu hết các hộ đều chăn nuôi trâu, bò, lợn và gia cầm. Nhiều hộ chăn nuôi trâu bò làm sức kéo ,nuôi gia cầm để cải thiện bữa ăn nên không bán vì vậy nên không thể tính vào tổng thu nhập hàng năm. Chăn nuôi dê mang lại lợi nhuận cao cho người dân nhưng do vấn đề bảo vệ rừng trên núi đá nên người dân khó phát triển được đàn dê. Hiện nay, số hộ nuôi dê đã giảm vì không có đất chăn thả. Tại một số thôn cận kề với VQG, nuôi hươu và nhím đang trở nên phổ biến với khoảng 50 hộ nuôi hươu và 60 hộ nuôi nhím, tập trung chủ yếu ở hai xã Kỳ Phú và Cúc Phương. Hiện nay có 400 con hươu mỗi con thu nhập từ bán nhung hươu từ 17 triệu đến 18 triệu/năm. Những hộ nuôi và bán nhím cũng phải chịu rủi ro cao vì kỹ thuật còn thiếu.

Về trình độ học vấn, phần đông lao động ở đây có trình độ phổ thông cơ sở. Theo số liệu được khảo sát về tình hình kinh tế - xã hội tại các thôn mẫu tiến hành vào tháng 6/2007 cho thấy khoảng 40% lao động phổ thông ở trình độ phổ thông cơ sở.

2.3 Một số dự án có tác động đến tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng

- VQG mở trụ sở đón khách thứ 2 ở Thanh Hoá

Hiện nay, VQG đang cho xây dựng cơ sở đón khách thứ 2 của Vườn đặt ở xóm Voọc, Thanh Hoá với mục đích đón khách qua Hoà Bình, hướng tới đối tượng khách từ Mai Châu hoặc Pù Luông xuống. Dự án này là một phần trong dự án phát triển DLCĐ Pù Luông – Cúc Phương do FFI tài trợ. Thành lập cơ sở ở đây sẽ tạo điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch khu vực ven sông Bưởi. Các bản Mường có tiềm năng trở thành nơi triển khai các hoạt động du lịch, không còn là điểm cuối của tuyến du lịch như trước đây.

Tuy nhiên, nếu chỉ tập trung vào những hoạt động du lịch mới hướng tới kết hợp với du lịch Pù Luông thì những hoạt động du lịch cũ mà cụ thể là du lịch ở bản Khanh có thể sẽ bị suy thoái.

- Nhà máy mía đường Việt –Đài mở rộng vùng nguyên liệu xuống Ninh Bình. Nhờ vậy, một số đoạn đường giao thông qua một số thôn vùng đệm thuộc xã Cúc Phương đang được nâng cấp, cụ thể là đoạn từ thôn Bãi Cả vào đến thôn

Sấm 3. Đường đi thuận tiện, dễ dàng sẽ là yếu tố thuận lợi đối với dịch vụ lưu trú ở vùng đệm.

- Dự án phát triển DLST ở VQG Cúc Phương

Công ty Du lịch và Bảo tồn SAPIO kết hợp với tập đoàn truyền thông Arena triển khai dự án phát triển du lịch Cúc Phương theo hướng DLST. Dự án sẽ không mở ra những tuyến đường cụ thể, kể cả lối mòn mới để đi tham quan nhằm tránh tác động tiêu cực đến môi trường. Thay vào đó, người hướng dẫn viên sẽ phải tự nhớ đường và sử dụng các thiết bị định vị hiện đại để dẫn khách đi. Đoàn khách không được quá 5 người và phải tuân thủ chặt chẽ những yêu cầu do công ty đề ra. Các hoạt động du lịch chuyên sâu sẽ được khai thác: Ví dụ như tour tìm hiểu về các loài rùa ở Cúc Phương, đầu tiên du khách sẽ được vào Trung tâm cứu hộ Rùa ở Cúc Phương để tìm hiểu về tình trạng bảo tồn, nghe diễn giải về loài rùa và sau đó sẽ vào sâu trong rừng để tìm hiểu loài rùa trong tự nhiên.

Dự án kéo dài 30 năm, vào giai đoạn sẽ chuyển giao lại cho VQG quản lý. Trong 5 năm đầu xây dựng dự án, sẽ tuyển khoảng 50 lao động địa phương. Khi dự án đi vào hoạt động sẽ cần tổng số khoảng 150 lao động. Nguồn nhân lực mà dự án hướng tới là thanh niên địa phương trong độ tuổi từ 18-30 và chủ dự án sẽ bỏ ra toàn bộ kinh phí để đào tạo họ. Dự án sẽ hợp tác với các bản xung quanh để phát triển lưu trú làng bản, các sản phẩm du lịch. Cộng đồng chỉ chịu trách nhiệm làm ra sản phẩm theo hợp đồng còn SAPIO sẽ tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm.

Công tác quảng bá về du lịch VQG Cúc Phương sẽ được thúc đẩy mạnh, hướng tới đối tượng là khách du lịch quốc tế.

Đây thực sự là một điều kiện rất thuận lợi để nâng cao năng lực và vai trò của cộng đồng trong hoạt động du lịch. Với con số 150 lao động, rõ ràng cộng đồng có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận và rèn luyện những kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết để phát triển du lịch ở địa phương. Nguồn nhân lực được đào tạo một cách chuyên nghiệp khi tham gia dự án là nguồn nhân lực tiềm năng để phát triển du lịch cộng đồng sau này. Tuy nhiên, trong giai đoạn thực hiện dự án, tỷ

lệ người được hưởng lợi trực tiếp so với toàn bộ cộng đồng sinh sống ở vùng đệm và vùng lõi của Vườn còn rất nhỏ. Hoạt động du lịch đi vào chiều sâu và chỉ diễn ra trong ranh giới Vườn, hoàn toàn không mở ra vùng đệm nên sẽ không phát huy tiềm năng du lịch vùng đệm. Các làng bản trong kế hoạch hợp tác lưu trú của dự án cũng sẽ bị hạn chế vì sẽ chỉ có một số ít làng bản đạt tiêu chuẩn để phát triển dịch vụ nhà nghỉ sinh thái.

2.4 Thực trạng hoạt động du lịch, du lịch cộng đồng tại khu vực VQG Cúc phương

2.4.1 Khách du lịch

2.4.1.1 Thành phần khách tham quan

a. Khách trong nước

Khách du lịch với thành phần chủ yếu là sinh viên, học sinh trong các trường đại học, cao đẳng, các trường phổ thông trong nước chiếm tới 60% -70% lượng khách đến thăm vườn. Loại khách này thường đi tập trung theo đoàn với số lượng đông từ 40- 50 người, có khi lên tới hàng trăm người. Thời gian thăm quan chủ yếu là vào các ngày lễ, nghỉ hè hay vào thời gian tham quan, học tập của trường…

Khách du lịch chuyên đề, nghiên cứu khoa học, đây là những nhà khoa học nghiên cứu về động vật, lâm học nhiệt đới… họ thường đi nhóm nhỏ và thời gian đi bất kể trong năm và thường lưu lại lâu hơn .

Khách tham quan của các cơ quan, các tổ chức ở các cấp các ngành, các địa phương.

Khách du lịch là các nhà lãnh đạo Đảng Nhà nước và các nhà hoạt động trong lĩnh vực văn học, nghệ thuật, báo chí…

Khách du lịch tự do (du lịch hè) thường đi theo nhóm từ 5 – 10 người, thời gian không có tính quy luật rõ rệt.

b. Khách nước ngoài

Khách du lịch chuyên đề: gồm các chuyên gia nghiên cứu khoa học về hệ sinh thái rừng nhiệt đới, hệ động - thực vật, công tác bảo tồn…Thời gian lưu trú lâu hơn và đến vào bất kỳ thời gian nào trong năm.

Khách du lịch tự nhiên thuần tuý, tìm hiểu về thiên nhiên và tính chất nguyên sinh của Vườn Quốc Gia, cũng như các yếu tố lịch sử, văn hoá của khu vực. Đối tượng này thường đến vào mùa du lịch, chủ yếu là vào mùa khô.

2.4.1.2 Số lượng khách tham quan

Trong những năm gần đây, do các nguyên nhân khác nhau như giao thông khó khăn, du lịch tự nhiên chưa trở thành nhu cầu lớn nên số lượng khách tới Cúc Phương không nhiều, chỉ khoảng từ 4000- 5000 lượt khách/năm.

Bảng 2.3 Bảng số lượng khách đếnVQG Cúc Phương

Năm / Khách	2007	2008	2009	2010	2011
Khách nội địa	74.408	71.224	73.236	72.772	28.800
Khách quốc tế	9.010	10.551	9.556	10.828	4.400
Tổng số khách	83.418	81. 775	82.792	83.600	33.200

(Nguồn : Số liệu thống kê BQL Du Lịch VQG Cúc Phương tính tới tháng4/2011)

Dựa vào số lượng thống kê ở trên, có thể thấy số lượng khách du lịch số lượng khách tham quan quốc tế của VQG Cúc Phương tăng đồng đều qua từng năm, đặc biệt là khách du lịch nội địa. Hơn nữa hoạt động du lịch tại VQG Cúc Phương lại không có sự phân biệt rõ rệt về mùa du lịch, thường mở quanh năm, song lượng khách thường đông hơn vào mùa khô (từ tháng 10 đến tháng 12 và từ tháng 2 đến tháng 5 hàng năm) lượng khách chiếm tới 70% với cả khách trong nước và ngoài nước.

Mặc dù, hoạt động du lịch tại VQG Cúc Phương có sự tăng lên về mặt số lượng khách nhưng khách du lịch đến tham quan tại đây chủ yếu 60% là khách tham quan trong ngày, thời gian lưu trú ngắn. Số lượng khách lưu trú tại vườn chiếm tỷ lệ nhỏ, thời gian lưu trú thường không quá 3 ngày. Do vậy doanh thu từ du lịch còn chưa tương xứng với số lượng khách đến tham quan.

2.4.1.3 Thời gian tham quan

Mặc dù du lịch Cúc Phương không có mùa rõ rệt, VQG mở cửa đón khách quanh năm, song lượng khách đến với Cúc Phương lại tập trung đông vào mùa khô (thời gian từ tháng 12 tới tháng 4), khách trong nước thường đến vào

mùa lễ hội. Vì vậy, khách trong nước tập trung vào hai thời kỳ : từ tháng 2 đến tháng 5, cao điểm vào tháng 3; và từ tháng 10 đến tháng 12, lượng khách chiếm khoảng 70 %. Tuy nhiên vào mùa mưa vẫn rải rác có khách đến thăm, nhất là vào các dịp nghỉ lễ và ngày nghỉ cuối tuần.

Đối với khách quốc tế, lượng khách thường xuyên thay đổi nhưng đông hơn cả là vào các tháng 10, 11, 12 (mùa khô) và ít nhất là vào các tháng 5, 6, 7 (mùa nóng và mưa nhiều).

2.4.2 Các hoạt động du lịch

Để giúp cho việc tìm hiểu và khám phá những bí ẩn của thiên nhiên Cúc Phương. Hiện tại Vườn quốc gia đã xây dựng được nhiều các hoạt động du lịch mà du khách có thể lựa chọn và tham gia.

a. Đi bộ trong rừng nguyên sinh

Cúc phương đã xây dựng được nhiều tuyến đi bộ trong rừng với nội dung và thời gian khác nhau, du khách có thể lựa chọn cho mình những tuyến tham quan phù hợp, một số tuyến đi bộ du khách có thể khám phá, tuy nhiên với sự hướng dẫn, giới thiệu của hướng dẫn viên, chắc chắn chuyến đi của du khách sẽ trở nên thú vị và ý nghĩa hơn. Tuyến cắm trại và ngủ đêm trong rừng, tuyến đi bộ dài ngày lên khu bảo tồn Ngọc Sơn, khu bảo tồn Pù Luông là những tuyến hấp dẫn được nhiều du khách quan tâm.

b. Du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng

Thiên nhiên Cúc Phương vô cùng quan trọng, là nguồn tạo lập sinh kế cho cộng đồng địa phương, du lịch sinh thái có sự tham gia của cộng đồng là giải pháp quan trọng, phần cải thiện đời sống nhân dân. Với một hoặc hai đêm nghỉ lại tại Bản Mường, du khách đã góp phần tạo thu nhập cho người dân, hỗ trợ công tác bảo tồn. Trong thời gian ở bản, người Mường với lòng nhiệt tình, mến khách sẽ mang lại cho du khách thời gian thoải mái và cơ hội để tìm hiểu, khám phá những nét văn hoá bản địa độc đáo.

c. Xem động vật hoang dã ban đêm

Tuỳ thuộc vào điều kiện thời tiết, VQG có thể tổ chức chương trình xem động vật hoang dã ban đêm, du khách có cơ hội được nhìn thấy một số loài động

vật hoang dã như : Sóc đen, sóc bay, Hoẵng, Culi và một số loài thú ăn thịt nhỏ .

d. Xem Chim

Cúc Phương là một trong những điểm đa dạng nhất về khu hệ chim ở miền Bắc Việt Nam, với 308 loài đã được phát hiện và thống kê, trong đó có nhiều loài quý hiếm như: Gõ kiến đầu đỏ, Gà lôi trắng, Niệc nâu, Đuôi cụt bụng vằn… đặc biệt có nhiều loài đặc hữu của Việt Nam và Đông Dương. Vì vậy, Cúc Phương đã trở thành một địa điểm không thể bỏ qua đối với các nhà khoa học và các nhà xem chim.Thời điểm tốt nhất để xem chim là vào buổi sáng sớm và chiều tối.

e. Đạp xe trong rừng

Một trong những hình thức khám phá bí ẩn của thiên nhiên Cúc Phương đó là đạp xe đạp trong rừng. Đạp xe trong rừng sẽ mang lại cho du khách không chỉ những cảm giác yên tĩnh, cảm nhận thực sự về thiên nhiên mà còn giúp cho du khách có được những cơ hội để bắt gặp những loài động vật khó gặp ở Cúc Phương.

f. Quan sát các loài bò sát và lưỡng cư, côn trùng

Cúc Phương là điểm đa dạng về bò sát, lưỡng cư và côn trùng. Hiện tại Vườn quốc gia đã điều tra và thống kê được 110 loài bò sát và lưỡng cư, 1899 loài côn trùng, trong đó có nhiều loài là đặc hữu của Cúc Phương và Việt Nam. Một số loài dễ gặp và có hình dạng kỳ lạ như : Rắn lục, ếch xanh hay các loài bọ que…

g. Thăm các điểm đa dạng sinh học

Hiện tại Cúc Phương đã thống kê được 43 điểm đa dạng sinh học ,đây là kết quả từ sự hợp tác nghiên cứu giữa Vườn quốc gia Cúc Phương và nhóm hợp tác nghiên cứu đa dạng sinh học quốc tế (ICBG), thăm các điểm đa dạng sinh học này du khách sẽ có nhiều cơ hội để học tập và tìm hiểu các loài thực vật nhiệt đới.

h. Chương trình văn nghệ dân tộc

Đến với Cúc Phương, ngoài cơ hội chiêm ngưỡng những vẻ đẹp mà tạo hoá ban tặng, du khách còn đươc thưởng thức những điệu múa, những bài hát truyền

thống của dân tộc Mường và các dân tộc vùng cao. Hoạt động này được xây dựng nhằm bảo tồn và phát huy truyền thống văn hoá các dân tộc vùng núi nói chung và văn hoá dân tộc Mường nói riêng.

i. Bơi thuyền kayak

Nghỉ lại tại Cúc Phương, du khách có thể tham gia nhiều hoạt động giải trí, thư giãn. Chèo thuyền kayak trên hồ Mạc và hồ Yên Quang là một trong những hoạt động hấp dẫn được du khách ưa thích.

2.4.3 Doanh thu từ du lịch

Bảng 2.4 Doanh thu từ hoạt động du lịch VQG Cúc Phương (giai đoạn từ năm 2007 đến 2010)

Nguồn thu	2007	2008	2009	2010
Vé	1.328.257.000	1.389.296.000	1.408.000.000	1.423.000.000
Lưu trú	1.027.914.000	1.345.464.730	1.431.171.657	1.843.000.000
Dịch vụ	265.400.000	297.500.000	263.000.000	289.000.000
Văn nghệ	0	40.558.000	50.016.000	60.010.000
Khác	69.815.716	48.024.700	83.059.483	84.170.000
Tổng cộng	2.691.386.716	3.120.843.430	3.235.250.140	3.699.180.000

(Nguồn : Số liệu thống kê BQL Du lịch VQG Cúc Phương 2011)

Nhìn chung, doanh thu của VQG Cúc Phương ngày càng tăng. Điều này chứng tỏ Ban quản lý của Vườn đã biết khai thác tốt hơn những tài nguyên trong vườn và đồng thời đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của khách tham quan. Tuy nhiên các nguồn thu từ hoạt động du lịch của Vườn còn hạn chế, chưa xứng đáng với nguồn tài nguyên du lịch của Vườn. Hầu hết các khoản chủ yếu từ lệ phí tham quan, phòng nghỉ còn các nguồn thu từ dịch vụ ăn uống và hàng hoá còn hạn chế.

Hơn nữa, trong tổng số doanh thu thì nguồn thu từ khách nước ngoài đóng góp một tỷ lệ đáng kể (khoảng 40%) mặc dù số khách nước ngoài chiếm tỷ lệ nhỏ (7-10 %) so với tổng số khách tới thăm Vườn.

Như vậy, để tăng doanh thu trong tương lai hơn nữa, Ban quản lý VQG Cúc Phương cần có cơ chế, chính sách hoạt động nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu

tham quan và lưu trú dài ngày của khách du lịch nội địa và thu hút thời gian lưu trú dài ngày hơn đối với khách du lịch quốc tế. Bên cạnh đó các dịch vị ăn uống và hàng hoá bán cho du khách cũng cần có sự đầu tư nâng cấp; các giá trị văn hoá bản địa nơi đây cần được khai thác tối ưu để phục vụ hoạt động kinh doanh du lịch. Đây cũng là cơ hội tốt để cộng đồng địa phương có cơ hội tham gia vào hoạt động phục vụ và kinh doanh du lịch.

2.4.4 Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật

Để đáp ứng các nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách du lịch, những năm vừa qua,VQG Cúc Phương đã không ngừng xây dựng và cải tạo hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của khách du lịch cụ thể:

a. Về dịch vụ lưu trú

Hiện tại, Trung tâm du lịch và giáo dục môi trường VQG Cúc Phương có tổ chức 3 cơ sở lưu trú ở 3 khu vực: Cổng vườn, khu Hồ Mạc và khu trung tâm vườn, với tổng số 67 phòng với tổng sức chứa khoảng 332 chỗ nghỉ. Trong đó có: 51 phòng đôi, 6 phòng đơn, 6 phòng 4 giường và 4 nhà sàn tập thể theo kiểu truyền thống của người Mường, mỗi nhà có thể nghỉ được 40 người. Các cơ sở lưu trú này đã được Sở Du Lich Ninh Bình công nhận là nhà nghỉ đủ tiêu chuẩn đón khách.

❖ Khu dịch vụ trung tâm tại cổng Vườn

Đây là nơi đón khách du lịch, bán vé vào cổng, cũng là nơi tổ chức hướng dẫn khách đến các điểm tham quan và các tuyến du lịch. Ngay tại Trung Tâm du khách có thể đến tham quan Vườn thực vật, Trung tâm cứu hộ Thú Linh Trưởng, Rùa, khu nuôi sinh sản một số loài động vật hoang dã và Bảo tàng động thực vật Cúc Phương.

Khu nhà khách VQG sẽ đón tiếp các du khách có nhu cầu nghỉ lại và phục vụ ăn uống tại cửu hàng, tuy nhiên dịch vụ còn chưa phong phú đa dạng.

Phòng nghỉ ở khu vực bày bao gồm:

+ Các phòng nghỉ hiện đại và đầy đủ tiện nghi, vệ sinh khép kín, trong phòng có điều hoà, ti vi và quạt điện…

+ Nhà Sàn với khu công trình phụ chung, nước nóng và quạt.

+ Căn hộ riêng biệt :vệ sinh khép kín, điều hoà, ti vi, nước nóng.

Phòng ăn: có thiết bị đầy đủ, sang trọng có thể phục vụ hàng trăm lượt du khách. Bên cạnh đó còn có các quầy hàng lưu niệm phục vụ nhu cầu mua sắm của du khách. Khu vui chơi thể thao, cùng với các dịch vụ khác như cho thuê các trang thiết bị phục vụ đi rừng, xe đạp địa hình, phòng họp từ 40 chỗ ngồi cho tới 200 chỗ ngồi, thuê phương tiện giặt là,vận chuyển…

❖ Khu du lịch Hồ Mạc

Khu du lịch mới được xây dựng mấy năm gần đây, cơ sở hạ tầng chưa phát triển đầy đủ. Ưu điểm nổi trội ở khu vực này là không gian và cảnh quan đẹp, các hồ nước với những điều kiện lý tưởng để xây dựng một trung tâm du lịch sinh thái và vui chơi giải trí ở đây.

Phòng nghỉ ở đây cũng bao gồm các căn hộ riêng biệt, cùng nhà sàn tập thể với các trang thiết bị đầy đủ. Phòng ăn với trang thiết bị đầy đủ với sức chứa có thể phục vụ hàng trăm lượt khách, tiệc đứng, tổ chức lửa trại. Phòng họp với sức chứa 200-300 chỗ ngồi…Các quầy hàng lưu niệm, cùng các dịch vụ biểu diễn văn nghệ dân tộc, bida, câu cá, trò chơi dân gian, lửa trại…

❖ Khu trung tâm Bống

Nằm cách trung tâm hành chính VQG khoảng 20km, bản Bống là địa điểm nằm giữa VQG và cũng là trung tâm của phân khu bảo vệ nghiêm ngặt. Hàng chục năm nay, khu du lịch Bống là điểm đến hầu hết của các đoàn khách. Tại đây du khách sẽ đến tham quan các cây cổ thụ : Cây Chò xanh ngàn năm tuổi, cây Sấu Cổ Thụ và có thể leo lên đỉnh Mây Bạc, đỉnh Kim Giao. Trên đường đi du khách có thể thăm Động Người Xưa, cây Đăng, cây Vù Hương …

Tại đây có các loại nhà nghỉ như: nhà sàn cho vài chục người, nhà cấp bốn với các loại phòng cho hai hoặc ba, bốn người; nhà hai tầng với loại phòng một, hai người. Những loại nhà nghỉ này phục vụ cho đối tượng không đòi hỏi cao về tiện nghi. Hai nhà luồng (bungalow) với thiết kế kiểu nhà sàn thấp, mái ngói, các tiện nghi sinh hoạt đầy đủ hơn (khép kín) thường dành cho gia đình. Du khách có thể nghỉ tại Bống, nhưng rất hạn chế vì nguồn điện ở đây vẫn sử

dụng máy nổ.

Hình thức lều trại không được phép dựng trong Vườn nhằm hạn chế các tác động đến môi trường thiên nhiên trong VQG (vệ sinh, tiếng ồn, đốt lửa trại).

Mức độ sử dụng phòng chỉ đạt từ 15-20%, song lại không đáp ứng đủ nhu cầu vào những thời điểm đông khách, nhất là vào những ngày nghỉ cuối tuần và ngày lễ .

❖ Dịch vụ tại các bản Mường

Ngoài ba khu vực chính trong Vườn, các dịch vụ lưu trú, ăn uống và vui chơi giải trí cũng được tổ chức tại các bản Mường. Ẩm thực của đồng bào Mường sẽ mang lại cho du khách những hương vị đậm đà khó quên.

Để đáp ứng nhu cầu lưu trú của du khách ngày càng tốt hơn, năm 2007 VQG Cúc Phương đã tiến hành sửa chữa, nâng cấp toàn bộ những dãy nhà nghỉ đã xuống cấp và bổ sung thêm trang thiết bị như điều hoà, tivi, tủ lạnh… Đồng thời, các điều kiện về an toàn, phòng chống cháy nổ chũng được duy trì tốt.

b. Về dịch vụ ăn uống và bán hàng

❖ Dịch vụ ăn uống *:*

Trong phạm vi Vườn có hai nhà ăn, một ở khu đón khách ngoài cổng Vườn và một ở khu trung tâm, phục vụ theo yêu cầu đặt trước của khách. Các nhà ăn này không có điều kiện phục vụ trực tiếp do phải mua thực phẩm ở thị trấn Nho Quan, cách cổng vườn 15km. Hơn nữa thị trấn Nho Quan không phải là một trung tâm lớn để có thể cung ứng thực phẩm thường xuyên trong cả ngày.

Điều này làm hạn chế phần nào việc đảm bảo sự thuận tiện cho khách tham quan khi có nhu cầu đột xuất, cũng như hạn chế về sự phong phú các món ăn. Bên cạnh đó trình độ tay nghề của các nhân viên phục vụ chưa cao dẫn đến tình trạng làm hạn chế khả năng phục vụ khách .

❖ Các điểm bán hàng còn ít và nghèo nàn về các mặt hàng

Hai điểm dịch vụ ở khu trung tâm và khu cổng vườn chỉ bán một số đồ uống, bánh kẹo, thuốc lá. Cùng các loại hàng lưu niệm như đũa Kim Giao, một vài sản phẩm trang phục của người Mường, tranh ảnh, sách giới thiệu về Vườn quốc gia. Xong các mặt hàng này còn đơn điệu về chủng loại và chưa thực sự

thu hút được sự chú ý của khách.

c. Cơ sở hạ tầng

Chức năng chính của Vườn là bảo tồn tài nguyên thiên nhiên, các hoạt động du lịch thường xuyên mâu thuẫn với công tác bảo tồn. Chính vì vậy, việc xây dựng các cơ sở hạ tầng cũng phải phù hợp với tính chất bảo tồn, nhưng nó cũng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng. Từ năm 1990 trở lại đây nhiều công trình đã được xây dựng, đó là 55km đường ô tô nối từ quốc lộ 1A vào tới trung tâm Vườn; hơn 600m^2 nhà phục vụ khách nghỉ; Các công trình kiến trúc như cầu vào Động Người Xưa, hệ thống chứa nước phục vụ phòng chống cháy, cải thiện môi sinh và là nguồn nước cho thú hoang, hệ thống chuồng trại phục vụ cho công tác nuôi dưỡng và cứu hộ các loài động vật hoang dã, các khu dành cho thể thao văn hoá, cải tạo hệ thống điện nước, nhà bảo tàng khoa học, xây dựng mới trung tâm du khách .

- Nhà hàng: Với sức chứa khoảng 60 – 100 người, phục vụ đặt tiệc, các món ăn dân tộc và đồ ăn kiêng.

- Quầy lưu niệm: Sản phẩm hàng hoá phong phú, các sản phẩm của người dân bản địa.

- Khu vui chơi thể thao: Phục vụ các môn thể thao như: Cầu lông, bóng bàn, bóng chuyền...

- Phòng nghỉ:

+ Phòng đôi khép kín: Số lượng 30 – 40 phòng, đầy đủ trang thiết bị, giá từ 120.000đ – 200.000đ.

+ Nhà sàn: Xây dựng theo kiểu truyền thống, giá từ 50.000đ – 70.000đ.

- Xe đạp**:** Du khách có thể thực hiện chuyến du lịch bằng xe đạp và thuê xe đạp tại văn phòng du lịch trong Vườn.

Các dịch vụ khác: Cho thuê các trang thiết bị phục vụ đi rừng, phòng họp với 40 – 50 chỗ ngồi, tổ chức giao lưu văn hoá văn nghệ, văn nghệ dân tộc Mường.

d. Các sở dịch vụ đón khách

Khu đón khách ở cổng vườn có nhiệm vụ tiếp đón, thu lệ phí tham quan,

hướng dẫn sơ đồ tham quan và phổ biến các nội quy cần thiết cho khách. Tác phong đón khách có ý nghĩa quan trọng trong việc cung cấp thông tin về Vườn quốc gia và tăng cường ý thức bảo vệ môi trường cho mọi đối tượng khách.

Ở khu cổng vườn có một trung tâm đào tạo đa dạng sinh học được thành lập năm 1995 của quỹ quốc tế bảo vệ thiên nhiên (Worl wide fund for –WWF) nhằm mục đích tập huấn lực lượng kiểm lâm của nhà nước.

e. Cơ sở vui chơi giải trí và các dịch vụ khác

Nhìn chung việc tổ chức và trang thiết bị cơ sở vật chất về thể thao, văn hoá ở VQG Cúc Phương còn nhiều hạn chế. Khu cổng Vườn có sân bóng chuyền, cầu lông, song chủ yếu phục vụ cho các nhân viên trong Vườn. Tại khu vực hồ Yên Quang cũng có một số dịch vụ như câu cá, bơi thuyền kayak…Nhưng những dịch vụ này chưa thực sự thu hút được sự quan tâm của du khách do chất lượng dịch vụ vẫn còn nhiều hạn chế.

f. Giao thông và phương tiện giao thông vận chuyển trong rừng

Hệ thống giao thông bao quanh Vườn quốc gia tương đối hoàn chỉnh. Phía tây Bắc, đường Hồ Chí Minh vắt qua Vườn quốc gia với chiều dài gần 10km nối tỉnh Hoà Bình với tỉnh Thanh Hoá. Phía Đông Bắc là đường tỉnh lộ nối quốc lộ 1A với đường Hồ Chí Minh và các tỉnh Hoà Bình, Sơn La. Phía Tây Nam là đường tỉnh lộ từ Ninh Bình theo đường Nguyễn Văn Trỗi, qua Rịa, Thạch Thành (Thanh Hoá) nối với đường Hồ Chí Minh.

Đường từ Nho Quan tới Vườn dài 13km, đang chuẩn bị được cải tạo, nâng cấp và mở rộng.

Đường từ Cúc Phương đi Bái Đính, Hoa Lư – Ninh Bình đang được công ty Xuân Trường xây dựng. Trong tương lai đây sẽ là con đường huyết mạch phát triển kinh tế và du lịch của Ninh Bình.

Trong Vườn quốc gia đoạn đường từ văn phòng tới trung tâm Bống dài 18km đã được cải tạo và nâng cấp, các đoạn đi bộ tới các điểm tham quan du lịch cũng đã được tu sữa một phần.

Trong thời gian tới, để phục vụ cho công tác bảo vệ rừng và du lịch cần mở thêm tuyến đường ven Vườn Quốc Gia tới động Vui Xuân, Động Con

Moong, hồ Yên Quang chạy theo ven ranh giới của VQG.

Ngoài các trục đường chính từ trung tâm Vườn nối với thị trấn Nho Quan thì các con đường đến các điểm tham quan trong Vườn chưa được xây dựng bê tông, đường đi dài và có nhiều đoạn gồ ghề khó đi gây khó khăn trong việc đi lại. Phương tiện vận chuyển chính trong khu trung tâm Vườn vẫn là đi bộ.

2.4.5 Hiện trạng nguồn nhân lực du lịch

Tổng số lao động trong Trung tâm du lịch sinh thái và giáo dục môi trường là 35 người, trong đó biên chế là 8 người, lao động hợp đồng không thời hạn là 21 người, hợp đồng công việc là 6 người, ngoài ra thuê khoán 5 người lao động theo ngày để làm những công việc không ổn định. Nhìn chung, trình độ nhân viên của vườn chưa đồng đều.

- Trình độ đại học là 9 người, trong đó tốt nghiệp các chuyên ngành Lâm nghiệp (5 người), Du lịch (1 người), Ngoại ngữ (1 người) và ngành Kinh tế (2 người).

- Trình độ trung cấp là 10 người, trong đó chủ yếu là tốt nghiệp trung cấp Lâm nghiệp và 1 người tốt nghiệp chuyên ngành Du lịch.

- Trình độ sơ cấp là 15 người chủ yếu là các ngành nghề Buồng, bàn, nấu ăn, hướng dẫn và số còn lại là lao động phổ thông.

Qua số liệu trên cho thấy thực trạng chất lượng lao động của Trung tâm du lịch và giáo dục môi trường còn một số tồn tại sau: Về số lượng còn mỏng, về trình độ chuyên môn được đào tạo thiếu về chuyên ngành du lịch, ngoại ngữ và quản trị kinh doanh thể hiện tính chuyên nghiệp chưa cao. Mặc dù vậy, VQG Cúc phương nói chung và Trung tâm du lịch và giáo dục môi trường nói riêng có chính sách ưu tiên trong việc tuyển dụng lao động là người địa phương vào làm việc trong các lĩnh vực như: bảo vệ rừng, nghiên cứu khoa học và kinh doanh dịch vụ du lịch. Nhưng số lượng chưa cao vì việc tuyển dụng còn gặp một số trở ngại lớn là người dân nơi đây rất khó có thể đáp ứng tốt được khả năng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Tuy nhiên, trong tương lai VQG Cúc Phương muốn phát triển tốt loại hình du lịch sinh thái và muốn cho cuộc sống của người dân bên trong và ngoài

vùng đệm này càng được đảm bảo và tốt hơn thì việc đào tạo cộng đồng địa phương nơi đây tham gia vào hoạt động du lịch là việc làm không thể tránh khỏi.

2.4.6 Hiện trạng khai thác tài nguyên

Hiện nay có khoảng hơn 200 hộ gia đình tham gia vào hoạt động cung cấp các dịch vụ cho du khách khi đi tham quan du lịch tại VQG Cúc Phương. Các dịch vụ mà cộng đồng dân cư có thể trực tiếp cung cấp cho du khách như: Các dịch vụ lưu trú nhà dân, ăn uống, phục vụ hướng dẫn du lịch, dịch vụ vận chuyển, dịch vụ cung cấp các sản phẩm thủ công lưu niệm và dịch vụ du lịch trải nghiệm cuộc sống cộng đồng người dân nơi đây.

Hoạt động du lịch ở VQG Cúc Phương thường tập trung vào một số điểm, tuyến tham quan chủ yếu, hình thức du lịch còn đơn điệu . Đến Cúc Phương khách du lịch hầu hết đều đến cây Chò Ngàn Năm, bởi lẽ cây Chò Ngàn Năm được coi là biểu tượng của Vườn quốc gia Cúc Phương. Trong khi đó tuyến Động Người Xưa, Cây Đăng Cổ Thụ, tuyến cây Sấu Cổ Thụ - Sông Bưởi -Thác Giao Thuỷ - bản Mường là một tuyến du lịch kết hợp rất đặc sắc mang đậm bản chất của những tuyến du lịch sinh thái .Tuy nhiên, lượng khách đến tham quan chiếm tỷ lệ thấp (20%- 30%), chủ yếu là khách nước ngoài với hình thức đi bộ xuyên rừng tới bản Khanh.

Các tuyến dài với hình thức đi bộ xuyên rừng có lượng khách rất thấp. Nguyên nhân chủ yếu là do đoạn đường đi bộ dài và khó khăn, mất nhiều thời gian và sức lực. Nên không thu hút đượoc du khách.

Các hoạt động diễn ra trong quá trình tham quan vẫn còn hạn chế, chủ yếu là các hoạt động đi bộ trong rừng, tham quan cây Chò ngàn năm, Động người xưa, ngắm cảnh, nghỉ ngơi, chụp ảnh, thăm trung tâm cứu hộ… Các hoạt động khác trong du lịch sinh thái còn hạn chế và hầu như ít được đề cập tới như leo núi, đi xuyên rừng, chèo bè mảng trên sông suối, tìm hiểu văn hoá bản địa…

Hình thức đi bè mảng trên sông Bưởi, thăm thác Giao thuỷ chưa thực sự được khai thác nhiều, mặc dù nó là tuyến du lịch mà cộng đồng địa phương có thể tham gia và mang lại những lợi ích cho họ.

Như vậy việc khai thác tài nguyên du lịch Cúc Phương với các loại hình

du lịch khác nhau còn hạn chế. Điều này khiến du lịch Cúc Phương trở nên đơn điệu, chỉ tập trung một số điểm, gây nên những bất cập trong quản lý du lịch với vấn đề bảo tồn.

2.5 Đánh giá khả năng phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực VQG

2.5.1 Thuận lợi

Cúc phương là khu rừng vẫn còn giữ được vẻ nguyên sơ của mình qua nhiều thế kỷ. Tài nguyên du lịch tự nhiên của Vườn có ưu thế và sự hấp dẫn đặc biệt bởi VQG Cúc phương có những giá trị về hệ sinh thái, Cúc Phương còn là một địa điểm thú vị cho các nhà nghiên cứu, các nhà khoa học khảo cổ với những di chỉ còn sót lại của Người Xưa. Cúc Phương còn là nơi cư trú và sinh sống của đồng bào Mường với những nét văn hoá riêng. Đó là những nếp nhà sàn, những trang phục, những phong tục tập quán, lễ hội cồng chiêng, những điệu hò… mang đậm sắc thái văn hoá dân tộc Mường.

Ngày nay khi nhu cầu du lịch của con người ngày càng cao.Thì việc lựa chọn các điểm du lịch hướng về cuộc sống thiên nhiên ngày càng được nhiều người lựa chọn. Với vị trí thuận lợi, chỉ cách thủ đô Hà Nội về phía Nam 120km. Cúc Phương đã trở thành sự lựa chọn của mỗi người trong các kỳ nghỉ tết, hay trong các đợt tham quan, học tập nhận thức của trường Đại học, Cao đẳng. Nhận được được sự quan tâm của Ban giám Đốc Vườn, cùng các đoàn thể, Cúc Phương dần được xây dựng thành một điểm du lịch có quy mô và hoàn thiện hơn. Điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật, cơ sở hạ tầng đã phần nào đáp ứng được khả năng phục vụ khách du lịch. Các dự án vẫn đang tiếp tục được xây dựng sản phẩm du lịch và hỗ trợ cộng đồng địa phương, cải tạo và nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật để đảm bảo các điều kiện phục vụ tốt nhất cho du khách.

Hoạt động du lịch trong Vườn quốc gia Cúc Phương cũng có vai trò hỗ trợ kinh phí cho công tác bảo tồn, nâng cao nhận thức cho khách du lịch, tạo cơ hội thu hút đầu tư cho công tác bảo tồn.

Cộng đồng dân cư nhận thức được việc khai thác các động thực vật hoang dã ,chặt phá rừng bừa bãi đã tác động xấu phá vỡ cảnh quan môi trường, hệ sinh thái tự nhiên. Vì thế người dân mong muốn phát triển du lịch và tham gia tích

cực vào việc xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch phục vụ khách như một sinh kế bền vững cho đời sống kinh tế địa phương.

Nguồn thu từ hoạt động du lịch đã được đưa một phần vào việc chi trả lương cho cán bộ làm công tác bảo tồn, cải tạo, tu bổ các phương tiện, trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động du lịch. Du lịch góp phần tạo các mối quan hệ giữa các Vườn quốc gia với các tổ chức trong nước và quốc tế, tạo ra cơ hội thu hút các dự án, đầu tư, hỗ trợ bảo tồn. Nhiều tổ chức bảo tồn động vật, các vườn thú của nhiều nước đã có những ủng hộ cho Trung tâm cứu hộ các loài Linh Trưởng như: Cộng hoà liên bang Đức, Mỹ, Anh…

Đặc biệt, dự án bảo tồn dưới sự tài trợ của tổ chức Quỹ bảo tồn động thực vật hoang dã thế giới (FFI – Fauna Flora International) còn có những hoạt động giáo dục nhằm nâng cao nhận thức bảo tồn cho cộng đồng dân cư vùng đệm với hiệu quả cao, đóng góp đáng kể vào công tác nghiên cứu và bảo tồn của Vườn quốc gia.

Mô hình DLCĐ trong giai đoạn hiện nay đang có xu hướng phát triển mạnh trên thế giới và Việt Nam. Đặc biệt loại hình này rất hấp dẫn với khách nước ngoài, cầu du lịch cũng ngày càng cao với sự gia tăng đối tượng nghiên cứu, khách tìm hiểu tự nhiên các VQG và khu du lịch sinh thái, khách du lịch cuối tuần… Điều này cho ta biết lượng khách đến với Cúc Phương ngày một tăng cao, doanh thu từ hoạt động du lịch cũng từ đó mà ngày càng tăng lên.

2.5.2 Khó khăn

Bên cạnh những mặt thuận lợi, việc phát triển DLCĐ ở VQG Cúc Phương cũng gặp không ít những khó khăn sau:

Cúc Phương nằm trong hệ thống các khu rừng đặc dụng cần được bảo vệ một cách nghiêm ngặt. Chính vì thế, các hoạt động du lịch diễn ra ở khu vực trung tâm Vườn cần phải được hạn chế. Tránh các tác động tiêu cực từ hoạt động du lịch ảnh hưởng đến môi trường tự nhiên.

Các sản phẩm du lịch chưa được khai thác và phát triển mạnh, đa dạng. Vì vậy vẫn còn mờ nhạt chưa tạo ra được sản phẩm sản phẩm hấp dẫn đặc trưng cho khu du lịch.

Lượng khách tham gia ngày càng đông, lại tập trung vào một khoảng thời gian nhất định gây nên sự quá tải đối với môi trường du lịch. Nước thải, thu hái cây cảnh và ô nhiễm tiếng ồn từ những nhóm khách quá đông là những vấn đề chưa kiểm soát được. Đa số khách du lịch là học sinh ,sinh viên đi theo đoàn với số lượng đông và thường tập trung cao điểm vào các dịp lễ hội, ngày lễ và ngày nghỉ cuối tuần. Vào những ngày đó lượng khách tham gia quá đông thường gây nên sự quá tải về mọi mặt.

Mối quan hệ chia sẻ lợi ích, nguồn lợi từ du lịch mang lại chưa có quy tắc rõ ràng giữa các đối tượng tham gia hoạt động du lịch như: cộng đồng dân cư, ban quản lý DLCĐ, công ty lữ hành…

VQG Cúc Phương còn yếu kém trong việc quảng bá hình ảnh khu du lịch đến với thị trường khách du lịch, chưa có những phương thức và chiến lược lâu dài cho chiến lược Marketting khu du lịch. Vì vậy cho nên nguồn khách vẫn chưa khai thác được hết, nhiều du khách mới chỉ biết đến VQG Cúc Phương mà chưa có thông tin về loại hình DLCĐ tại đây.

Một trong những mối đe doạ lớn nhất của VQG Cúc Phương là việc đường mòn Hồ Chí Minh được xây dựng chạy dọc theo thung lũng phía tây Sông Bưởi với chiều dài 10km. Ngoài những tác động trực tiếp trong thời gian thi công, đến nay sau khi con đường này được hoàn thành nó đã làm cho khả năng tiếp cận các khu vực trong rừng tăng cao, tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động khai thác lâm sản trái phép trong rừng cũng như hoạt động tái định cư của một số địa bàn dân cư trong khu vực này.

Cộng đồng dân cư nhận thức chung về du lịch còn hạn chế, hướng dẫn viên địa phương còn hạn chế về kỹ năng thuyết minh, kiến thức chuyên ngành về văn hoá và sinh thái…

Kế hoạch quản lý của Vườn lại tập trung vào việc phát triển du lịch điều này đã làm giảm hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học. Điều này cũng có thể dẫn đến sự phát triển cơ sở hạ tầng du lịch với những tác động tiêu cực về điều kiện cho việc xâm nhập để khai thác lâm sản. Tương tự như vậy, việc xây dựng các hồ nhân tạo trong Vườn quốc gia sẽ dẫn đến một khoản rừng bị phát

quang và làm thay đổi chế độ thuỷ văn cuả Vườn.

2.5.3 Những tác động của hoạt động du lịch đến cộng đồng cư dân ven VQG Cúc phương

a. Tác động tích cực

Từ khi có sự phát triển du lịch, vùng đất này có sự thay da đổi thịt. Trước hết là cơ sở hạ tầng : Đường xá giao thông, điện nước, thông tin liên lạc… được mở mang cải thiện, từ đó mà cuộc sống người dân được thay đổi cả về nhận thức lẫn chất lượng cuộc sống. Người dân có thêm việc làm, tăng thu nhập, được giao tiếp, giao lưu văn hoá, tiếp xúc với nền kinh tế công nghiệp…

DLCĐ giúp thay đổi nhận thức, tác phong, phong cách giao tiếp ứng xử của cộng đồng dân cư, Ban quản lý DLCĐ. Trước đây khi hoạt động DLCĐ chưa phát triển người dân nơi đây chủ yếu sống bằng nghề nông nghiệp, người dân ít có điều kiện giao tiếp với bên ngoài xã hội. Khi hoạt động DLCĐ được thực hiện thì người dân nơi đây bắt đầu được đào tạo các kỹ năng của người làm du lịch, người dân thường xuyên được tiếp xúc với nhiều đối tượng khách, đặc biệt là người nước ngoài. Từ đó đã làm cho người dân được mở mang kiến thức, hiểu biết hơn về con người cũng như bản sắc văn hoá của họ và người dân tự tin hơn trong trong giao tiếp. Người dân dần dần xoá bỏ đi những lối sống lạc hậu, cổ hũ ảnh hưởng tới cuộc sống của người dân.

Về phần người dân, họ cũng nhận thấy rằng sự tham gia vào hoạt động du lịch đem lại cho họ những thu nhập mà quanh năm suốt tháng lam lũ cũng không có được. Họ càng ngày càng gắn bó với hoạt động du lịch hơn. Sự mong ngóng, chờ đợi khách tới thăm, dần đi vào tâm trí của người dân nơi đây.

Đối với những hộ tham gia hoạt động kinh doanh như : Phục vụ lưu trú, ăn uống thì sẽ bổ sung, tăng cường và thay đổi trang thiết bị phục vụ sinh hoạt lưu trú cũng như ăn uống. Chính những điều này đã giúp cải thiện cuộc sống của người dân được tốt hơn, từ đó phục vụ cho các hoạt động lưu trú ăn uống của khách du lịch có hiệu quả hơn.

Hoạt động du lịch phát triển sẽ tạo ra nguồn thu nhập phục vụ cho công tác bảo tồn và bảo vệ Đa dạng sinh học và bảo vệ tài nguyên môi trường. Hoạt

động du lịch cộng đồng phát triển thì người dân nơi đây sẽ được đào tạo các kỹ năng của người làm du lịch, kỹ năng sử dụng ỉnternet…Rất nhiều các hoạt động về giáo dục môi trường đến các tầng lớp nhân dân, học sinh, sinh viên, sẽ giúp nâng cao tầm hiểu biết cho họ về tầm quan trọng của nguồn tài nguyên tự nhiên và nhân văn tại địa phương. Từ đó mỗi người dân sẽ có ý thức hơn trong việc bảo tồn tài nguyên và môi trường.

b. Tác động tiêu cực

Bên cạnh những tác động tích cực thì hoạt động DLCĐ tại VQG Cúc Phương còn có những tác động tiêu cực như sau:

Hoạt động du lịch phát triển đem đến sự thay đổi to lớn đối với thôn xã có điểm du lịch này. Ngoài ý nghĩa về mặt kinh tế địa phương thì nó còn có tác động đến văn hoá – xã hội của vùng, nhất là tại xã Cúc Phương địa điểm có hoạt động du lịch diễn ra sôi động, trực tiếp thì sự thay đổi này càng rõ ràng hơn. Sự tác động này phần lớn đem đến sự thay đổi tốt đẹp nhưng sẽ không thể tránh được những tác động xấu đến đời sống của người dân như: sự ô nhiễm môi trường, phá vỡ cảnh quan…và đặc biệt là vấn đề văn hoá làng xã bị biến dạng. Tác động đến văn hoá bản địa: làm thay đổi tập quán và lối sống truyền thống của người dân địa phương, chính sự tiếp xúc với du khách (đa phần là những người thu nhập cao, văn hoá, phong tục đa dạng…). Bên cạnh việc giúp cho những người dân ở đây có sự nhanh nhẹn, hoà nhập vào sự buôn bán trao đổi, có tầm nhận thức cao hơn… thì nó cũng làm cho quan hệ giữa những người dân thay đổi: vì mục đích kiếm tiền mà tình làng nghĩa xóm trở nên phai nhạt hơn, người dân coi trọng đồng tiền hơn. Các thanh thiếu niên cũng kiếm tiền do bán bưu thiếp, bưu ảnh…lại tiếp xúc với nhiều loại văn hoá ngoại lai không thiếu những thói hư tật xấu dẫn đến các tệ nạn xã hội như: nghiện hút, cờ bạc, bỏ học, trộm cắp…làm mất trật tự an ninh xóm làng, làm ô nhiễm nền văn hoá truyền thống của cư dân tại Vườn quốc gia. Hàng năm Vườn đón nhiều đoàn khách trong nước và ngoài nước tới tham quan sẽ phá vỡ nhịp sống yên bình thường nhật nơi đây, làm đảo lộn cuộc sống của họ.

Hoạt động du lịch đã làm tăng nguy cơ ô nhiễm môi trường tự nhiên và

môi trường xã hội. Hoạt động du lịch càng phát triển thì sẽ gây ra những tác động lớn đến tài nguyên tự nhiên: đất, nước, cảnh quan như rác thải ô nhiễm, đất bị xói mòn và làm thay đổi cảnh quan tự nhiên, nguồn nước bị ô nhiễm, khai thác rừng tác động tới đời sống hoang dã của các loài động thực vật: khai thác quá mức nhiễu loạn sinh cư và loài nhập lai…Rác thải nhiều không chỉ gây ô nhiễm môi trường của các loài động thực vật mà còn tác động trực tiếp đến cuộc sống của người dân phá vỡ cảnh quan quanh khu vực.

Để hạn chế những tiêu cực mà hoạt động du lịch tác động tới cộng đồng dân cư ở Vườn quốc gia Cúc Phương thì đòi hỏi cần phải có sự quan tâm, quản lý chặt chẽ của Ban quản lý Vườn và cộng đồng địa phương nơi đây.

Tiểu kết chương 2:

Như vây, khả năng phát triển du lịch tại Cúc Phương trong những năm tới có nhiều điều kiện thuận lợi. Tuy nhiên, mối quan hệ giữa du lịch với cộng đồng dân cư địa phương nơi đây hầu như vẫn đứng ngoài cuộc và hầu như không có quyền lợi đối với sự phát triển của hoạt động du lịch nơi đây. Trong khi cuộc sống của họ còn nhiều khó khăn, vất vả và muốn cải thiện cuộc sống thì bắt buộc họ phải chuyển đổi cơ cấu kinh tế hiện có của mình. Và một trong các biện pháp hữu hiệu giúp người dân tại Cúc Phương xoá đói giảm nghèo là tham gia vào hoạt động phục vụ du lịch.

Chính vì vậy, phát triển du lịch cộng đồng nhằm giúp người dân xoá đói giảm nghèo là rất cần thiết.

CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở VQG CÚC PHƯƠNG

3.1 Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ du lịch tại VQG

Trong khu vực VQG Cúc Phương cần phải xác định được không gian lãnh thổ du lịch tuỳ thuộc vào điều kiện tự nhiên, cũng như mục đích sử dụng đối với mỗi vùng khác nhau.

Đối với vùng tài nguyên cần được bảo vệ: Đây là vùng có các hệ sinh thái nguyên sinh, nơi cư trú của các động vật hoang dã quý hiếm, đặc hữu, bản địa cần được bảo vệ. Đây là vùng rừng đặc dụng, vì thế không nên mở rộng các hoạt động du lịch gây ảnh hưởng đến môi trường. Nhưng trong thực tế, các hoạt động du lịch của Vườn đã diễn ra chủ yếu ở đây. Bởi vậy định hướng sử dụng trước mắt trong vùng này là trung hoà giữa yêu cầu bảo tồn và nhu cầu du lịch. Trong quá trình diễn ra hoạt động du lịch cần đảm bảo việc tuân thủ các nội quy tham quan (về vật dụng, thức ăn mang theo, rác thải, việc thu lượm mẫu vật).

Hiện tại, phần lớn lượng khách du lịch tập trung trong khu vực trung tâm. Vì vậy, cần hạn chế lượng khách tham quan trong vùng này, trước mắt nên hạn chế lượng khách trên cơ sở sức chứa của một tuyến tham quan (tối đa là 100-150 khách /ngày). Sau đó, chỉ cho phép các hoạt động nghiên cứu, du lịch sinh thái đặc biệt, đó chính là việc giảm số lượng khách quan tâm đến chất lượng dịch vụ và bảo tồn.

Đối với vùng nằm trong vùng phân khu chức năng bảo vệ nguyên vẹn của Vườn và giáp ranh phân khu phục hồi sinh thái, là vùng có vị trí như là vùng chuyển tiếp về các đặc điểm tự nhiên, vừa giữ vai trò như một vùng đệm cho vùng tài nguyên hạt nhân được bảo vệ bên trong. Lại vừa có vai trò tăng cường cho khu vực phục hồi sinh thái.

Trong vùng này tập trung một số điểm hấp dẫn đã được khai thác cho hoạt động du lịch như Động Người Xưa và có thể khai thác mở rộng hơn nữa như cây Đăng cổ thụ, đỉnh Mây Kim Giao, động Trăng Khuyết. Những điểm này có thể thay thế cho những điểm tham quan hiện đang có lượng khách tập trung trong vùng tự nhiên cần được bảo vệ như cây Chò xanh ngàn năm tuổi

,cây Sấu cổ thụ…

Ở đây, nguồn tài nguyên cũng cần được bảo vệ, song có thể cho phép sử dụng du lịch ở mức độ cho phép của môi trường như: Du lịch nhóm nhỏ, đề cao chất lượng du lịch, sử dụng các phương tiện không gây ảnh hưởng đến môi trường như: ô tô điện, xe ngựa, xe đạp và đi bộ. Tăng cường và đảm bảo việc tuân thủ các nội quy tham quan (về vật dụng, thức ăn mang theo, rác thải, việc thu lượm mẫu vật), tăng cường các phương tiện giáo dục môi trường trên tuyến tham quan, các đường mòn phải đảm bảo được các yêu cầu thiết yếu của du lịch sinh thái như sơ đồ tham quan, các biển báo, biển chỉ dẫn, thuyết minh, thùng rác, nơi vệ sinh.v..v…

Những yêu cầu trên nhằm đáp ứng cho khách, các nhu cầu trong du lịch sinh thái là nâng cao nhận thức về thiên nhiên, làm phong phú thêm kinh nghiệm du lịch một cách có chất lượng.

Trong khu vực dành cho các hoạt động du lịch sinh thái mở rộng các hoạt động du lịch như : pic nic, cắm trại, nghỉ ngơi giải trí, tham quan bằng ô tô có thể được phép trong vùng này. Tuy nhiên, thuộc phân khu phục hồi sinh thái của Vườn, nên các hoạt động tham quan như picnic, cắm trại tại vùng này vẫn cần đảm bảo thực hiện các nội quy chặt chẽ. Các cơ sở nghiên cứu, bảo tồn nên được mở rộng tham quan nhằm tăng cường kinh nghiệm du lịch, tác dụng giáo dục cho khách nâng cao chất lượng du lịch. Có thể bổ sung những loại hình vui chơi, giải trí phù hợp ở khu vực dành cho dịch vụ sản xuất và dịch vụ du lịch của vườn.

Để đảm bảo hoạt động du lịch được duy trì tốt, các nhóm khách tham quan không nên quá lớn và có sự quan tâm thích đáng đến môi trường. Nơi tập kết các xe chở khách cần được quy hoạch thành một khu riêng biệt, vừa đảm bảo mỹ quan, vừa không gây ảnh hưởng đến các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí cho khách, hạn chế tác động lớn đến sự phục hồi của sinh thái tự nhiên. Các cơ sở dịch vụ ăn nghỉ, bán hàng không nên mở rộng thêm ở đây mà nên có xu hướng chuyển dần ra địa bàn của cộng đồng địa phương. Đối với phân khu dịch vụ du lịch cộng đồng bao gồm các thôn Nga, Bãi Cả, Sấm, những bản tái định cư ở

ngoài vùng đệm trên đường ô tô từ Nho Quan vào Vườn như Đồng Quân, Đồng Bót, Đồng Tâm (xã Cúc Phương). Ngoài ra, những thôn thuộc địa bàn của các điểm du lịch mới cũng có thể trở thành khu dịch vụ mới như thôn Thường Sung (xã Kỳ Phú)- địa bàn của điểm nước khoáng: Thôn Bông xã Yên Quang gần khu hồ Yên Quang.

Việc mở rộng về dịch vụ du lịch đến các địa bàn này có ý nghĩa lớn trong việc hỗ trợ phát triển cộng đồng như tránh được những mâu thuẫn có thể nảy sinh giữa các nhà quản lý, điều hành du lịch và cộng đồng địa phương. Đây chính là một giải pháp nhằm giảm bớt hoạt động dịch vụ tập trung trong vườn, đồng thời tạo điều kiện để người dân địa phương được tham gia và được hưởng lợi ích từ du lịch, góp phần nâng cao đời sống, giảm bớt tác động vào Vườn.

3.2 Một số giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại VQG Cúc phương

3.2.1 Giải pháp xây dựng cơ chế chính sách, tổ chức hoàn thiện bộ máy hoạt động quản lý

Vườn quốc gia Cúc Phương trực thuộc sự quản lý của bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn. Vì vậy, ban quản lý Vườn cần phải thông qua ý kiến của Bộ Nông nghiệp và phát triển Nông thôn về các vấn đề khai thác tiềm năng du lịch sinh thái và DLCĐ của Vườn.

Để hoạt động du lịch phát triển ở Vườn quốc gia Cúc Phương, việc có những cơ chế chính sách tạo hành lang pháp lý môi trường kinh doanh du lịch thuận lợi, khuyến khích và hỗ trợ mọi thành phần kinh tế có thể đầu tư phát triển khu du lịch là điều rất quan trọng và cần thiết. Ban quản lý nên tiến hành quy hoạch chi tiết và xác định rõ ràng ranh giới các điểm du lịch cụ thể trong Vườn, để đề ra các quy định nghiêm cấm việc chặt phá rừng săn bắn các loài động vật, huỷ hoại các tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn…ngăn chặn việc sử dụng trái phép quỹ đất trên phạm vi lãnh thổ đã xác định ưu tiên phát triển du lịch.

Ban quản lý Vườn cần có sự kết hợp với các cấp lãnh đạo tỉnh Ninh Bình thực hiện quản lý nhà nước về tất cả các lĩnh vực, hoạt động DLCĐ, theo đúng quy định và quy chế nội quy mà luật về du lịch đã được ban hành. DLCĐ phát

triển cần có sự hỗ trợ tích cực của các tổ chức, cá nhân tham gia như: Cộng đồng dân cư, tổ chức phi chính phủ, công ty du lịch, ban quản lý Vườn…Vì vậy ban điều hành dự án cần đưa ra chính sách ưu đãi đối với nguồn vốn của các tổ chức cá nhân địa phương khi xúc tiến phát triển du lịch.

Ban quản lý du lịch chưa có kế hoạch chính sách lâu dài, cụ thể cho việc phát triển du lịch nên chưa tạo ra được hiệu quả cao cho hoạt động kinh doanh du lịch của Vườn. Để đảm bảo sự quản lý có hiệu quả, thúc đẩy sự tham gia tích cực của các hộ gia đình thì cần phải có sự kết hợp chặt chẽ đồng bộ giữa hệ thống chính sách với quá trình tổ chức đưa ra các biện pháp về tổ chức quản lý thích hợp, tránh quan liêu, quản lý chồng chéo, không đồng bộ…

Ban quản lý cần xây dựng các quy chế, nội quy quản lý, khai thác du lịch đi đôi với việc tuyên truyền giáo dục văn hoá, nâng cao dân trí cho người dân địa phương và nâng cao nhận thức cho du khách về vấn đề môi trường tự nhiên, văn hoá khi tham gia vào hoạt động du lịch địa phương.

Để việc khai thác các nguồn tài nguyên, xây dựng cơ sở hạ tầng vật chất kỹ thuật, các hoạt động kinh doanh, xây dựng các chương trình du lịch, thu hút khách, hỗ trợ cuộc sống cộng đồng dân cư…được thuận lợi thì Ban quản lý Vườn cần có sự ưu đãi, ưu tiên miễn giảm cho các gia đình kinh doanh du lịch.

3.2.2 Cải thiện xây dựng cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Nhìn chung hệ thống cơ sở hạ tầng ở Vườn quốc gia Cúc Phương còn thiếu, và chưa đồng bộ. Các công trình xây dựng đều mang tính chắp vá chưa có quy hoạch đồng bộ, cần đến đâu xin đến đấy và chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách của nhà nước. Đây chính là sự hạn chế để Cúc Phương có thể hoàn chỉnh hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ cho công tác bảo vệ rừng, nghiên cứu khoa học và phát triển du lịch.

Để thu hút, đáp ứng nhu cầu và để nhằm mang lại cho khách du lịch những ấn tượng tốt đẹp về Vườn quốc gia Cúc Phương thì việc xây dựng cơ sở hạ tầng là hết sức cấp thiết. Việc xây dựng này chủ yếu tập trung vào nâng cấp hệ thống đường bộ, điện, nước sinh hoạt, trạm y tế, bãi đỗ xe…Bởi khách du dịch mặc dù đi du lịch với ý định ban đầu là để thưởng thức các giá trị tài

nguyên nơi mà họ đến nhưng lại không được đáp ứng đầy đủ các nhu cầu tối thiểu thì dù cho các tài nguyên du lịch ở đây có phong phú hấp dẫn đến mấy thì cũng bị giảm đi sức hấp dẫn của chính nó. Trung tâm hành chính của Vườn được xây dựng sát cổng vườn với diện tích khoảng 7-10ha, có hàng rào bao bọc để bảo vệ. Sau khi dự án đường mòn Hồ Chí Minh mới hoàn thành, cơ sở 2 của trung tâm hành chính Vườn cũng được xây sát bên đường Hồ Chí Minh. Hiện nay đã xây dựng xong căn nhà làm việc đầu tiên và sẽ tiếp tục hoàn thiện trong thời gian tới. Các cơ sở nghiên cứu trong Vườn quốc gia Cúc Phương đang dần được ổn định. Tuy vậy nhiều cơ sở chưa thực sự hoàn thiện, một vài cơ sở vẫn còn nhỏ hẹp cần được mở rộng thêm.

Bên cạnh cơ sở hạ tầng thì cơ sở vật chất kỹ thuật lại đóng vai trò quan trọng trong việc quyết định chất lượng sản phẩm du lịch và những ấn tượng để lại cho du khách. Chính vì vậy muốn hoạt động du lịch hoạt động một cách chuyên nghiệp và đảm bảo chất lượng, các hộ gia đình tham gia vào hoạt động du lịch cần được đầu tư để cải thiện nơi ở của mình nhằm phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch như: các trang thiết bị gia đình như ti vi, máy nóng lạnh, chăn, ga, gối đệm…các dụng cụ nấu ăn và phục vụ ăn uống cho khách du lịch và đặc biệt là khu vệ sinh…Có như vậy thì khách du lịch mới có mong muốn ở lại và sử dụng các dịch vụ của người dân. Về phương tiện vận chuyển, Ban quản lý sẽ thu hút nguồn vốn đầu tư và cho vay và ưu tiên để giúp một số hộ gia đình có vốn để mua xe đạp nhằm đáp ứng nhu cầu đi lại tham quan, dã ngoại bằng xe đạp của du khách.

Ngoài ra, cần tập trung vào việc xây dựng một bãi trông giữ các phương tiện vận chuyển cho các đoàn khách đến tham quan và du lịch tại Cúc Phương. Tuy nhiên việc vận hành và quản lý bãi đỗ xe này sẽ do người dân làm chủ dưới sự điều hành và giám sát của Ban quản lý Vườn. Việc đầu tư cho người dân vay vốn mua các phương tiện vận chuyển. Sẽ đáp ứng nhu cầu của khách du lịch sẽ trở nên dễ dàng, gọn nhẹ, đơn giản và làm hài lòng khách .

3.2.3 Phát triển du lịch trên cơ sở bảo tồn các nguồn tài nguyên, đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư

Để hạn chế những tác động có hại có thể xảy ra với môi trường tự nhiên và nhân văn do hoạt động du lịch mang lại cần xây dựng các chương trình du lịch kết hợp với bảo vệ môi trường văn hoá tự nhiên.

Cộng đồng địa phương cần nhận thức rõ giá trị của tài nguyên du lịch tự nhiên và nhân văn đối với sự phát triển du lịch cũng như cảnh quan chung, văn hoá cộng đồng, bản sắc địa phương của chính họ. Họ cần nhận thức được những thuận lợi và những bất lợi từ hoạt động du lịch và khách du lịch ảnh hưởng đến tài nguyên. Do đó cần xây dựng nội quy tham quan và quy tắc ứng xử cho khách du lịch, cho các đơn vị lữ hành, các đối tượng tham gia cung ứng dịch vụ du lịch để đảm bảo khai thác tài nguyên du lịch một cách bền vững, trên cơ sở bảo tồn và phát huy lâu dài nguồn tài nguyên phục vụ du lịch và văn hoá xã hội cộng đồng.

Đối với việc phát triển du lịch vùng lõi VQG, cần có những biện pháp cụ thể lâu dài nhằm khai thác tối ưu tiềm năng du lịch của Vườn nhưng vẫn đảm bảo việc phát triển tự nhiên của các loài động, thực vật, không làm tổn hại đến chúng cũng như môi trường sinh thái, cảnh quan nơi đây, do đó Ban quản lý VQG nên phối hợp với các ngành liên quan để đưa ra những biện pháp tối ưu có tính lâu dài cho việc phát triển du lịch bền vững và bảo tồn tài nguyên của Vườn. Cần có các phương án tối ưu để xử lý chất thải do khách du lịch tạo ra khi tham quan VQG. Chú trọng đào tạo nhân viên, các chuyên gia du lịch những kiến thức về bảo vệ môi trường, cấm chặt phá rừng, khai thác động thực vật bừa bãi…Cần tổ chức nghiên cứu điều tra thường xuyên nguồn tài nguyên tự nhiên vốn có để xác định tiềm năng, giá trị của Vườn về mặt du lịch sinh thái. Sau khi có kết quả, số liệu điều tra đầy đủ, sẽ hoạch định đề ra các biện pháp phát triển du lịch hài hoà với quy hoạch phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.

Đối với tài nguyên nhân văn, nên phát huy tối đa văn hoá địa phương, trên cơ sở gìn giữ những giá trị tài nguyên như nó vốn có. Cần có những biện pháp để hạn chế những tác dụng tiêu cực tới văn hoá bản địa từ phía du khách.

Du lịch nếu được phát triển đúng đắn sẽ mang lại nhiều lợi ích về kinh tế, xã hội không chỉ riêng cho du lịch mà cho cả người dân. Tuy nhiên để đảm bảo những lợi ích kinh tế xã hội cân bằng cho cộng đồng, đảm bảo cho phát triển du lịch lâu dài như một ngành kinh tế của khu vực thì cần giúp dân ở các vùng phụ cận tìm ra những phương thức sinh kế mới để nâng cao đời sống, giảm sự chênh lệch giàu nghèo đảm bảo sự cân bằng trong cơ cấu phát triển xã hội, hạn chế mức thấp nhất xung đột xảy ra giữa hoạt động du lịch và cộng đồng dân cư khu vực xã lân cận.

3.2.4 Giải pháp nghiên cứu thị trường, tiếp thị và quảng bá hình ảnh khu du lịch VQG Cúc phương

Tiến hành nghiên cứu thị trường và xác định thị trường mục tiêu là giải pháp rất quan trọng để quảng bá sản phẩm đến với các công ty lữ hành và các đối tượng khách du lịch khác nhau.

- Ban quản lý Vườn quốc gia Cúc Phương cần phối hợp với các tổ chức du lịch nghiên cứu thị trường DLCĐ để xác định rõ cầu du lịch đối với loại hình du lịch này. Giải quyết tốt vấn đề này sẽ tạo ra cơ sở vững chắc cho kế hoạch phát triển một cách bền vững có hiệu quả kinh tế. Nghiên cứu thị trường khách du lịch là công đoạn đầu tiên mà Ban quản lý cần quan tâm. Thị trường được xác định được căn cứ vào một số tiêu chí như xu hướng dự báo khách du lịch, tiềm năng du lịch của vùng, hệ thống cơ sở vật chất kỹ thuật hạ tầng phục vụ hoạt động du lịch, nhu cầu đi du lịch của từng dòng khách và các chương trình xúc tiến du lịch.

- Sau khi Ban quản lý du lịch đã có những kết quả nghiên cứu thị trường khách thì Ban quản lý cần có những cơ chế chính sách quảng bá xúc tiến du lịch thích hợp để nhằm khai thác tối đa thị trường khách trong nước cũng như ngoài nước.

+ Xây dựng website về các hình thức phục vụ du lịch: Trang web này bao gồm các thông tin về các tuyến điểm du lịch hấp dẫn, các cơ sở lưu trú và ăn uống trong đó có địa chỉ và hình ảnh để khách du lịch tiện lựa chọn và liên hệ. Bên cạnh đó, trang web này cần được dịch ra nhiều thứ tiếng trên thế giới như:

Anh, Pháp, Đức… nhằm hướng tới những thị trường thường quan tâm và đến VQG Cúc phương đông nhất.

+ Xúc tiến qua các hội chợ, hội nghị, hội thảo: Ban quản lý du lịch Cúc Phương cần xây dựng và thiết kế tờ rơi, tập gấp về mô hình du lịch ở đây hoặc lồng ghép giới thiệu trong những ấn phẩm, tài liệu tuyên truyền, quảng bá chung và đem phân phát cho du khách du lịch tại các hội chợ, hội thảo và các hội nghị về du lịch. Tuy nhiên, những ấn phẩm này cũng cần được dịch ra nhiều thứ tiếng nhằm thu hút khách du lịch từ các nước.

+ Quảng bá qua các phương tiện thông tin đại chúng: Đây là hình thức quảng bá thông qua việc làm phim quảng bá phát trên đài truyền hình trong nước và ngoài nước, viết bài, ảnh, phóng sự đăng tải trên báo chí trung ương và địa phương trong nước và ngoài nước. Viết các bài giới thiệu trên các tạp chí chuyên đề du lịch như: Tạp chí du lịch Việt Nam .

+ Quảng cáo qua chính du khách: Khi DLCĐ phát triển ,du khách sẽ được sinh hoạt và giao lưu trực tiếp với chính cộng đồng người dân nơi đây những ấn tượng để lại thường sâu đậm và đặc biệt trong tâm trí du khách. Nếu cộng đồng dân cư làm tốt công tác phục vụ du lịch và để lại ấn tượng tốt cho du khách thì chính du khách sẽ kể lại những trải nghiệm quý báu của bản thân họ cho người thân, bạn bè đồng nghiệp hoặc trên những trang web về du lịch. Đây có thể là một kênh thông tin hữu hiệu và thực tế nhất đối với công tác tuyên truyền và quảng bá của Ban quản lý Vườn.

3.2.5 Giải pháp về nguồn nhân lực

Mục tiêu chính của việc phát triển DLCĐ là nhằm tạo thêm công ăn việc làm và chuyển đổi cơ cấu kinh tế cho người dân địa phương từ đó giúp người dân xoá đói giảm nghèo. Chính vì vậy, yêu cầu đào tạo và sử dụng người dân địa phương ở đây, cụ thể là cộng đồng địa phương sống tại trong và ngoài vùng đệm của Vườn quốc gia Cúc Phương là việc làm cần thiết. Như vậy nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch là các xã dân cư sống xen kẽ trong khu bảo vệ nguyên vẹn gồm 4 xóm (xóm Nghéo, Biện, Đồi, Nội Thành) thuộc xã Thạch Lâm huyện Thạch Thành tỉnh Thanh Hoá; dân cư sống trong vùng phục hồi sinh thái: 2 xóm

(xóm Nga, Sấm) thuộc xã Cúc Phương huyện Nho Quan tỉnh Ninh Bình và trong vùng đệm của Vườn (1215 hộ với 62.350 nhân khẩu trong đó có 70% là đồng bào dân tộc Mường). Phần lớn người dân ở đây chưa được đào tạo bài bản và kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ du lịch, giao tiếp, ứng xử và ngoại ngữ để có thể đáp ứng ngay nhu cầu phục vụ của khách du lịch. Tuy nhiên điểm mạnh của họ lại là sự thân thiện, mến khách, nhiệt tình và cởi mở.Và chính họ sẽ là đội ngũ lao động gắn bó lâu dài với du khách, với quê hương và với cộng đồng của mình. Đồng thời, ý thức trách nhiệm về việc bảo tồn các giá trị văn hoá dân tộc, văn hoá bản địa cũng như bảo tồn các giá trị tài nguyên tự nhiên như: núi rừng, hồ đầm, sông suối… trong họ vẫn sâu sắc cụ thể.

Do vậy việc phát triển DLCĐ tại Vườn quốc gia Cúc Phương thì việc khuyến khích người dân giữ nguyên và phát huy sự thân thiện, mến khách đồng thời tổ chức những khoá đào tạo ngắn hạn về nghiệp vụ du lịch, giao tiếp ứng xử và ngoại ngữ cho họ để họ vừa có kiến thức, khả năng, nghiệp vụ du lịch đáp ứng nhu cầu của khách du lịch, vừa giữ đươc bản tính hồn hậu, mến khách sẵn có là nét đặc trưng quan trọng, góp phần thu hút du khách. Cụ thể người dân nơi đây cần được đào tạo như sau:

a) Nội dung đào tạo **:**

- Giáo dục nâng cao hiểu biết về du khách, đây là nội dung đào tạo nhằm nâng cao hiểu biết của người dân về các đối tượng du khách khác nhau nhằm tổ chức tốt hơn công tác đón tiếp, phục vụ tạo ấn tượng tốt đẹp đối với du khách. Nội dung này còn bao gồm công việc tìm hiểu thị hiếu khách du lịch từ những quốc gia và vùng lãnh thổ khác nhau, cung cấp những nét đặc thù về truyền thống văn hoá của từng nước và vùng lãnh thổ, tìm hiểu sự mong đợi và thói quen của khách du lịch, tìm hiểu sở thích khác nhau (thanh niên, người già, những người đi du lịch theo gia đình, cá nhân và những người đi du lịch theo nhóm…).

- Đào tạo về kỹ năng đón tiếp khách du lịch, người dân địa phương cần được đào tạo về cách nói trong giao tiếp, thái độ và hành động đón tiếp khách du lịch, đảm bảo tính hài hoà, nồng nhiệt, an toàn và thân thiện đối với du khách.

- Đào tạo về kinh doanh du lịch như trang bị cho người dân địa phương khả năng phân tích thị trường cung và cầu, xây dựng và cải thiện sản phẩm đáp ứng nhu cầu khách du lịch. Xây dựng vị trí sản phẩm trên thị trường, xác định mức giá phù hợp, ký kết hợp đồng hoặc quan hệ đối tác với các công ty du lịch và các đối tác liên quan…

- Đào tạo ngoại ngữ, nhằm nâng cao trình độ ngoại ngữ cho người dân địa phương nhằm tạo điều kiện để họ có thể giao tiếp được với khách, đặc biệt là một số ngôn ngữ thông dụng như tiếng Anh, Pháp, Đức… Bên cạnh đó, còn cần phải mở các lớp nâng cao trình độ đối với những người đã có kiến thức về ngoại ngữ hoặc những người tham gia vào hoạt động hướng dẫn du lịch. Đào tạo về cách phục vụ các dịch vụ đặc biệt của các chủ lưu trú dành cho khách du lịch. Nội dung này nhằm cung cấp kiến thức cho người dân đặc biệt là các chủ nhà lưu trú trong cách đối xử và chăm sóc du khách, kể cả những việc nhỏ nhặt như mượn xe đạp, cung cấp cho khách những thông tin về thông tin liên lạc, văn hoá và lịch sử của địa phương và những thông tin về quyền lợi và nghĩa vụ của chủ nhà và khách du lịch.

- Đào tạo về xúc tiến, quảng bá, nhằm giúp người dân biết cách xây dựng tài liệu phục vụ công tác xúc tiến, quảng bá về DLCĐ nơi đây như tờ gấp, sách, báo, sổ tay hướng dẫn du lịch…Đồng thời đưa ra những hình thức tuyên truyền cơ bản như cơ quan báo chí, nhà xuất bản, hãng lữ hành, văn phòng du lịch…

- Hướng dẫn người dân về cách sắp đặt nội thất bên trong nhà nghỉ. Nội dung này chủ yếu cung cấp thông tin về các trang thiết bị cơ bản, những yêu cầu về giữ gìn vệ sinh gia đình như dọn dẹp và lau rửa thường xuyên giường, tường, trần nhà, cửa sổ, cửa ra vào, ánh sáng ,đồ đạc trong nhà. Trang trí nhà nghỉ với màu sắc hài hoà, cân bằng với tổng thể. Phục vụ đặc biệt đối với du khách như: nước uống miễn phí cho du khách, cắm hoa tươi trong phòng cho du khách…

- Hướng dẫn người dân về cách sử dụng các thiết bị vệ sinh như giúp cho người dân địa phương được đào tạo về yêu cầu trang thiết bị cơ bản tại các cơ sở phục vụ lưu trú cho du khách; giữ gìn vệ sinh thường xuyên như dọn nhà vệ sinh, lau gương, hộp đựng giấy vệ sinh, phòng tắm, bồn rửa mặt và những dịch

vụ đặc biệt đối với khách du lịch như chuẩn bị giấy vệ sinh, xà phòng…

- Hướng dẫn người dân cách phục vụ ăn uống cho du khách. Nội dung này hướng dẫn cho các hộ gia đình tổ chức du lịch ở nhà dân kiến thức về địa điểm phục vụ ăn sáng tốt nhất cho du khách, cách muốn tìm hiểu về nhu cầu ăn uống của du khách và những yêu cầu đảm bảo vệ sinh trong bữa ăn của du khách.

- Đào tạo nội dung liên quan tới các quy định liên quan đến hoạt động lưu trú của du khách. Bao gồm những quy định chung như phòng cháy chữa cháy, kiểm tra khách du lịch và những quy định cụ thể đối với khách du lịch nhằm tạo điều kiện cho người dân nắm và thực hiện tốt quy định theo pháp luật.

b) Các hình thức đào tạo :

Như trên đã phân tích ,việc đào tạo về các chuyên môn và nghiệp vụ du lịch cho người dân địa phương tại Vườn quốc gia Cúc Phương sẽ có nhiều khó khăn trước mắt bởi phần lớn người dân ở đây chưa được đào tạo bài bản về kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ du lịch, giao tiếp, ứng xử và ngoại ngữ để có thể đáp ứng ngay nhu cầu phục vụ của khách du lịch. Do vậy, việc đào tạo cần phải tối ưu hoá mọi hình thức đào tạo khác nhau nhằm giúp cho quá trình đào tạo của người dân nơi đây có thể diễn ra nhanh nhất nhưng quan trọng là hiệu quả đào tạo sẽ đạt kết quả cao nhất. Các hình thức đào tạo có thể là:

- Đào tạo tại chỗ: Đây là hình thức đào tạo mà ban điều hành và các cơ quan, ban nghành có liên quan có thể mở các lớp học chuyên môn, nghiệp vụ phục vụ du lịch ngay tại nơi sinh sống của người dân thông qua việc mời Ban quản lý du lịch hay các chuyên gia có kinh nghiệm về phổ biến cho người dân những kinh nghiệm và các thao tác về chuyên môn, nghiệp vụ du lịch.

- Đào tạo thông qua việc gửi con em của người dân địa phương tới các trường học có đào tạo du lịch tại các tỉnh và vùng lân cận, đặc biệt là các trường có đào tạo du lịch ở Hà Nội. Đây là hình thức đào tạo kết hợp nhưng sẽ mang lại hiệu quả cao vì sau khi kết thúc khoá học các em có thể về địa phương để làm việc và phổ biến, truyền đạt cho những người dân địa phương. Như vậy việc tạo điều kiện cho các em đi học chuyên môn nghiệp vụ tại các trường có đào tạo

chuyên môn sâu về du lịch không những giúp cho nghiệp vụ của chính bản thân các em mà còn nâng cao cho tất cả người dân khác.

- Ban điều hành có thể kết hợp với Ban quản lý du lịch Vườn quốc gia Cúc Phương ký kết các hợp đồng với cơ sở đào tạo theo thực tế phục vụ du lịch hoặc tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn cho người dân, cho người dân đi tham quan học tập tại các điểm có hoạt động du lịch cộng đồng phát triển như mô hình DLCĐ ở SaPa và Mai Châu…

- Như vậy có đào tạo người dân địa phương thực hiện tốt kỹ năng phục vụ du lịch thì DLCĐ tại VQG Cúc Phương mới có cơ hội phát triển lâu dài và bền vững. Chính điều này sẽ làm cho hoạt động du lịch nơi đây đưa ra những sản phẩm du lịch đặc sắc và phong phú từ đó người dân tăng thêm cơ hội có thêm việc làm và đời sống của người dân được nâng cao.

3.2.6 Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và các chương trình du lịch của khu vực VQG Cúc Phương

Ban quản lý Vườn quốc gia Cúc Phương căn cứ vào nguồn tài nguyên du lịch và điều kiện cơ sở vật chất hạ tầng và thị trường khách du lịch tại Vườn. Đã đưa ra một số giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch như :

- Xây dựng các sản phẩm du lịch hấp dẫn khách du lịch, nhấn mạnh vào các tiềm năng du lịch của Vườn như : sự hấp dẫn của các cảnh quan rừng nhiệt đới nguyên sinh với sự phong phú đa dạng về hệ đông thực vật. Và nơi cư trú sinh sống của đồng bào Mường với những nét văn hoá riêng đó là những nếp nhà sàn, những trang phục, những phong tục tập quán, những điệu hò...mang đậm sắc thái văn hoá tộc Mường.

- Cần quy hoạch và nâng cao các điểm du lịch như: Tuyến Động Người Xưa - Cây Đăng Cổ Thụ; tuyến Cây Sấu Cổ Thụ - Sông Bưởi - Thác Giao Thuỷ - Bản Mường. Và đi bè mảng trên Sông Bưởi, thăm thác Giao Thuỷ, hệ thống nhà nghỉ (homestay).

- Với những điểm tài nguyên du lịch trên các chương trình du lịch cần xác định điểm chủ đạo của chương trình khi lập kế hoạch, sản phẩm du lịch cần ưu tiên đảm bảo cho việc tham quan các điểm chủ đạo thực hiện tốt, cần phát huy

nguồn nhân lực hướng dẫn viên địa phương vào các tour du lịch.

- Cần quy hoạch một cách hợp lý các hộ gia đình sản xuất mặt hàng thủ công, nên có nhà trưng bày các sản phẩm mà do cộng đồng dân cư tạo ra. Sản phẩm thủ công cần tạo ra nét đặc trưng văn hoá và cảnh quan vùng rừng để lôi cuốn và hấp dẫn du khách tham quan và mua sản phẩm.

- Phát huy tối đa văn hoá ẩm thực địa phương, đặc biệt là các món ăn dân dã mang hương vị của người dân nơi đây và món đặc sản của vùng như: lợn Mường, thịt chuột đồng…Đồ uống thì các loại nước như là nước chè tươi, nước từ lá thuốc nam, rượu dân tôc Mường. Tuy nhiên cần có các món ăn kiêng và hiện đại theo yêu cầu của khách.

- Người dân nơi đây cần có các chương trình văn nghệ để phục vụ khách khi khách có nhu cầu và có các tiết mục ca ngợi người dân nơi đây về lòng nhiệt tình, hiếu khách, phục vụ khách chu đáo trong thời gian khách lưu trú và những ca khúc ca ngợi tài nguyên tự nhiên nơi đây… Cần tăng cường sử dụng các dịch vụ vật chất thô sơ phục vụ khách đi lại tham quan trong Vườn được thuận lợi hơn như Xe Đạp, giầy, gậy, nước uống…

- Trong xu thế hiện nay, khách du lịch không chỉ muốn tham gia các chương trình du lịch tham quan một cách đơn thuần mà đặc biệt cảm thấy hấp dẫn, hài lòng với các hoạt động trải nghiệm cuộc sống cộng đồng, trực tiếp tham gia vào các hoạt động sinh hoạt của người dân. Vì vậy cho nên Ban quản lý cần tăng cường các hoạt động du lịch có sự tham gia của khách du lịch đi vào sinh hoạt cùng người dân để họ tìm hiểu, hiểu hơn về cuộc sống người dân nơi đây như: Khách sẽ được trực tiếp tham gia vào nấu ăn cùng gia đình, dệt vải… Có sự kết hợp chặt chẽ giữa chương trình du lịch sinh thái ở Vườn và tham quan tìm hiểu văn hoá phong tục tập quán và trải nghiệm cuộc sống cộng đồng ở Vườn quốc gia Cúc Phương trên cơ sở giìn giữ bản sắc văn hoá bản địa của người dân nơi đây.

- Các chương trình du lịch nên đặt các tên gọi sao cho hấp dẫn và gây sự tò mò và mới lạ như: “Hành trình xem động thực vật quý hiếm trên thế giới”, “Chinh phục cửa rừng đại ngàn”, “Khám phá VQG Cúc Phương” , “Du khảo

dân Mường" , "Một ngày cùng dân Bản Mường".

Chương trình 1: Hà Nội – Cúc Phương (1 ngày)

6h00: Đoàn xuất phát từ Hà Nội (Hà Nội - Ninh Bình)

8h30': Hướng dẫn đón đoàn tại điểm hẹn ở trung tâm thành phố Ninh Bình đi thăm vườn quốc gia Cúc Phương.

9h00: Đoàn thăm Cúc Phương – Vườn quốc gia đầu tiên của Việt Nam nơi lưu giữ nhiều loài động thực vật quý hiếm của Việt Nam; thăm khu Trung tâm du khách, Trung tâm cứu hộ các loài linh trưởng, vườn thực vật.

12h00: Ăn trưa tại nhà hàng Cúc Phương.

14h00: Đoàn đi bộ thăm cây Chò ngàn năm (gốc to gần 20 người ôm không hết) và Động người xưa - dấu ấn lịch sử của người Nguyên thủy sống cách chúng ta từ 7000 đến 12500 năm lịch sử.

17h00: Chia tay đoàn, kết thúc chuyến đi

Đoàn khách (người)	Giá chương trình (VND)
10-20	160.000
20-30	125.000
35-50	116.000

- Giá bao gồm: Vé danh lam; Hướng dẫn viên theo chương trình; Ăn trưa (70.000đ/khách)

- Giá không bao gồm: xe ô tô, đồ uống và các sinh hoạt cá nhân khác

(Chương trình và giá tour có thể thay đổi tuỳ theo yêu cầu của quý khách

Chương trình 2: Hà Nội – Cúc Phương (2 ngày)

Ngày 01: Hà Nội – VQG Cúc Phương (T,T)

Sáng: Ôtô và hướng dẫn viên của Du Lịch ATT đón khách tại điểm hẹn sau đó khởi hành đi Ninh Bình, trên đường đi đoàn sẽ nghỉ dừng chân ăn sáng tại Phủ Lý, thưởng thức món: Bánh cuốn chả - một món ăn điểm tâm nổi tiếng của Người Hà Nam (chi phí tự túc) Sau đó đoàn tiếp tục khởi hành đến Ninh Bình, đoàn ghé thăm cố đô Hoa Lưu và Chùa Bái Đính để chiêm ngưỡng ngôi chùa lớn nhất Việt Nam… Lễ Phật cầu an.

12h00 Đoàn quay lại Thành Phố Ninh Bình dùng bữa trưa tại nhà hàng

với những món ăn đặc sản nổi tiếng như: Các món đươc chế biến từ thịt Dê núi Ninh Bình, Cơm chay sau đó đoàn nghỉ ngơi đôi chút.

Chiều: Sau bữa trưa, Quý khách lên xe khởi hành đi thăm khu du lịch Sinh Thái Tràng An, đến đây quý khách sẽ đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác khi đi qua hệ thống hang động nơi đây, đặc biệt quý khách còn có cơ hội viếng thăm: Phủ Đột hay còn gọi là đền Trình; Đền Trần và Phủ Khổng, chiêm ngưỡng cây thị đặc biệt hơn 1000 năm với 02 loại quả trên 01 cây... Thuyền đưa quý khách quay lại bến đò, Ôtô đón đoàn và khởi hành đi Vườn Quốc Gia Cúc Phương, nhận phòng khách sạn nghỉ ngơi và dùng bữa tối tại nhà hàng. Sau bữa tối đoàn chuẩn bị cho chương trình giao lưu lửa trại tại khuôn viên của Vườn…. Nghỉ đêm tại Cúc Phương – Ninh Bình

Ngày 02: VQG Cúc Phương – Hà Nội (S,T)

Sáng: Quý khách dậy sớm, tập thể dục hoặc đi dạo quanh khuôn viên và hít thở không khí trong lành của khu vực vườn quốc gia sau đó dùng bữa sáng tại nhà hàng và chuẩn bị hành trang để khám phá Động người xưa, nơi có di chỉ khảo cổ của người Việt cổ sau đó quay về thăm trung tâm cứu hộ động vật quý hiểm của VQG Cúc Phương sau đó đoàn dùng bữa trưa tại nhà hàng.

Chiều:Đoàn trả phòng khách sạn và khởi hành về Hà nội, trên đường đi đoàn dừng chân nghỉ ngơi và mua những sản vật về làm quà cho người thân và bạn bè.

16h00 Đoàn về đến Hà Nội, kết thúc Chương trinh và hẹn gặp lại quý khách.

Chương trình 3: Hải phòng – Cúc Phương (1 ngày)

06h30: Đón quý khách khởi hành đi rừng quốc gia Cúc Phương.

10h00: Đến Cúc Phương, quý khách bắt đầu hành trình khám phá rừng Quốc gia theo đường mòn - Thăm cây cổ thụ Chò Chỉ có trên 1.000 năm tuổi. Tham quan thế giới động vật vô cùng phong phú với những loài chim thú quý hiếm chỉ có ở Rừng Quốc gia, thế giới thực vật với hơn 2.000 loại cây cỏ khác nhau.

12h30: Ăn trưa tại nhà hàng khu du lịch Cúc Phương. Sau đó tiếp tục tham quan Động Người Xưa và chiêm ngưỡng cảnh hùng vĩ của rừng quốc gia Cúc

Phương.

16h00: Lên xe về Hải Phòng

19h30: Đến Hải Phòng, kết thúc chương trình. Hẹn gặp quý khách trong chuyến đi tới.

3.2.7 Giải pháp phát triển kinh tế xã hội vùng đệm

Trong một Vườn quốc gia hay một khu bảo tồn thiên nhiên luôn có vùng đệm. Vùng đệm được xây dựng với chức năng ngăn chặn, giảm nhẹ sự xâm hại của con người tới Vườn quốc gia hay khu bảo tồn thiên nhiên. Vùng đệm của Vườn quốc gia Cúc Phương bao gồm diện tích là 30.625ha và 79.445 nhân khẩu (Tính đến thời điểm tháng 8 năm 2008). Hoạt động sản xuất chính của các hộ dân ở đây chủ yếu là hoạt động nông nghiệp. Bên cạnh đó, các sản phẩm lâm sản phụ từ Vườn quốc gia Cúc Phương cũng là một nguồn thu nhập đáng kể đối với các hộ nghèo trong những ngày nông nhàn, hay những năm mất mùa. Theo thống kê của Hạt kiểm lâm Vườn quốc gia Cúc Phương hàng năm có hàng chục vụ vi phạm vào tài nguyên rừng Vườn quốc gia. Ví dụ trong năm 2008 đã bắt được 38 vụ như sau :

Khai thác gỗ và lâm sản phụ : 7 vụ

Săn bắt động thực vật hoang dã :11 vụ

Vận chuyển lâm sản trái phép :20 vụ

(chỉ tính các vụ có biên bản vi phạm). Số vụ tuy có giảm dần theo từng năm nhưng không đáng kể.

Nguyên nhân chính dẫn đến các hiện tượng khai thác tài nguyên rừng một cách trái phép là do dân số tăng nhanh, kéo theo số lao động dư thừa, cùng sự thiếu hiểu biết của người dân về pháp luật và bảo vệ môi trường còn thấp .

Để giảm thiểu những tác động tiêu cực của người dân vào Vườn quốc gia, cần có sự quan tâm giúp đỡ của các cấp các ngành tới đời sống của người dân xung quanh vùng đệm. Hỗ trợ người dân phát triển kinh tế sản xuất nông nghiệp, cho vay với lãi suất thấp…Phát triển sản xuất lâm nghiệp với cơ cấu khoán đất trồng rừng, xây dựng các bản làng văn hoá, khôi phục lại các nghề thủ công truyền thống như: dệt thổ cẩm, thêu ren…

Xây dựng hệ thống giao thông, thuỷ lợi, hệ thống cung cấp nước sạch, xây dựng mạng lưới điện quốc gia về tới các thôn bản. Tạo điều kiện cho người dân nơi đây tham gia vào các hoạt động du lịch và thu lợi nhuận từ hoạt động du lịch.

Tiểu kết chương 3 :

DLCĐ ở Vườn quốc gia Cúc Phương có nhiều điểm thuận lợi để phát triển hiện tại và trong tương lai. Tuy vậy do phương thức phát triển du lịch này mới phát triển trong những năm gần đây nên hoạt động du lịch ở đây vẫn gặp rất nhiều khó khăn và có thể gây ra một số tác động tiêu cực và tích cực đến tài nguyên và cộng đồng dân cư quanh khu vực này. Khách du lịch đến đây chủ yếu là các đoàn khách nghiên cứu khoa học ở nước ngoài, lượng khách nội địa đến với Vườn quốc gia còn ít chủ yếu là các đoàn học sinh, sinh viên của các trường đại học cao đẳng và trung học phổ thông tham quan học tập.

Để khắc phục những tồn tại trên ,đề tài khoá luận đã đề xuất một số giải pháp phát triển DLCĐ ở Vườn quốc gia Cúc Phương nhằm phát triển du lịch cộng đồng ở khu vực Vườn vừa bảo tồn nguồn tài nguyên thiên nhiên ở VQG Cúc Phương, giúp người dân xoá đói giảm nghèo đồng thời góp phần quảng bá hình ảnh của địa phương với tài nguyên du lịch nhân văn đậm đà bản sắc văn hoá của địa phương thông qua hoạt động du lịch.

Một số đề xuất về giải pháp phát triển DLCĐ như sau :

+ Giải pháp xây dựng cơ chế chính sách, tổ chức hoàn thiện bộ máy hoạt động quản lý.

+ Cải thiện xây dựng cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch.

+ Phát triển du lịch trên cơ sở bảo tồn các nguồn tài nguyên, đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư.

+ Giải pháp nghiên cứu thị trường, tiếp thị và quảng bá hình ảnh khu du lịch VQG Cúc phương.

+ Giải pháp về nguồn nhân lực.

+ Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và các chương trình du lịch của khu vực VQG Cúc phương.

+ Giải pháp phát triển kinh tế xã hội vùng đệm

Trên đây là một số đề xuất giải pháp mà tác giả khoá luận trên cơ sở tìm hiểu kết quả thành công của một số mô hình DLCĐ, những kiến thức bản thân và quá trình khảo sát thực tế tại địa phương, từ đó mạnh dạn đề xuất. Mong rằng Ban quản lý VQG Cúc Phương và các công ty lữ hành sẽ quan tâm nghiên cứu và ứng dụng vào quá trình xây dựng và phát triển du lịch góp phần tạo ra một điểm du lịch mới hấp dẫn, lôi cuốn khách trong hiện tại và tương lai.

KẾT LUẬN

Khoá luận nghiên cứu các vấn đề về phát triển du lịch cộng đồng ở Vườn quốc gia Cúc Phương.Trong khuôn khổ giới hạn cho phép về nội dung nghiên cứu, cho phép rút ra một số kết luận như sau:

Trong xu thế phát triển chung của ngành du lịch, hoạt động du lịch cộng đồng ngày càng nhận được nhiều quan tâm và sự ủng hộ của khách du lịch. Nó được xem như là một hoạt động du lịch có mối quan hệ chặt chẽ với tự nhiên và người dân nơi đây và công tác bảo tồn trên cơ sở của yêu cầu phát triển bền vững. Và địa điểm được cho là phù hợp với hoạt động du lịch cộng đồng này chính là các Vườn quốc gia và các Khu bảo tồn thiên nhiên.

Trong những năn gần đây, các Vườn quốc gia và các Khu bảo tồn thiên nhiên ở Việt Nam đã tăng lên một cách nhanh chóng. Ngoài chức năng chính là hoạt động bảo tồn thiên nhiên, cùng các loài quý hiếm.Và còn là địa điểm du lịch hấp dẫn bởi tính nguyên sơ của nó. Trong đó,Cúc Phương là khu rừng cổ nhất cũng là Vườn quốc gia đầu tiên của nước ta. Với các đặc điểm tự nhiên phong phú, giá trị sinh học cao, cùng các yếu tố nhân văn độc đáo còn được lưu giữ cho đến ngày nay, Cúc Phương.

Trong những năm gần đây, trước sự quan tâm của các cấp, các ngành cùng sự đầu tư hỗ trợ của các cơ quan quốc tế. Các cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ cho du lịch trong Vườn quốc gia Cúc Phương được cải thiện hơn rất nhiều. Chính vì thế lượng khách đến với Cúc Phương trong những năm gần đây cũng tăng lên một cách đáng kể. Hoạt động du lịch trong Vườn quốc gia Cúc Phương cũng đã đóng góp vai trò to lớn trong việc giáo dục môi trường tự nhiên, nâng cao nhận thức của khách du lịch. Nguồn thu từ hoạt động du lịch cũng bổ sung thêm kinh phí cho công tác bảo tồn và hỗ trợ phúc lợi cho cộng đồng dân cư sống trong khu vực Vườn.

Lượng khách du lịch quốc tế đến nước ta trong những năm gần đây ngày một tăng. Việt nam được đánh giá là "điểm đến an toàn và thân thiện". Số lượng khách du lịch trong nước cũng tăng mạnh trong từng năm, nhất là vào những ngày nghỉ lễ, mùa hè và mùa lễ hội, Du lịch từng bước trở thành phương tiện để

mọi người, mọi dân tộc hiểu biết lẫn nhau về truyền thống lịch sử, văn hoá, phong tục tập quán, nếp sống và thói quen tiêu dùng…Tất cả những tích cực này có vai trò vô cùng quan trọng của cộng đồng người Việt nam nói chung và cộng đồng nhân dân địa phương nói riêng, trong đó có cộng đồng dân cư Cúc Phương.

Qua việc nghiên cứu những lý luận và thực tiễn về phát triển du lịch cộng đồng, có thể thấy những hình thức chủ yếu mà cộng đồng dân cư địa phương có thể tham gia vào hoạt động phát triển du lịch ở Cúc Phương. Tham gia vào quá trình vận chuyển, cung ứng thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống, nguyên vật liệu cần thiết cho các hoạt động dịch vụ du lịch; tham gia vào công tác nghiệp vụ tại các cơ sở dịch vụ du lịch; tham gia hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường du lịch; trực tiếp cung cấp các dịch vụ đến du khách; trực tiếp cung cấp cung cấp các sản phẩm du lịch văn hoá mang bản sắc truyền thống.

Cúc Phương là địa danh có nhiều nguồn lực để phát triển du lịch. Sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch là rất lớn. Song vẫn còn nhiều hạn chế đó là do: Nhận thức của cộng đồng chưa đầy đủ về lợi ích cũng như nhiệm vụ khi tham gia hoạt động du lịch; quyền được biết của cộng đồng về quy hoạch, về các quy định quản lý tại các khu và điểm du lịch còn chưa thực hiện nghiêm túc; hệ thống chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho cộng đồng chuyển đổi nghề, tham gia vào các hoạt động du lịch để ổn định cuộc sống còn có những bất cập; cộng đồng chưa có sự hỗ trợ đầy đủ (vốn, kỹ năng, thông tin…), để phát triển những dịch vụ một cách lâu dài.

Chính vì thế cần có một số giải pháp để tăng cường sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động phát triển du lịch: Tạo điều kiện thuận lợi để người dân có thể tham gia vào quá trình quy hoạch và giám sát thực hiện quy hoạch phát triển du lịch tại những nơi mà cuộc sống của cộng đồng gắn liền. Nâng cao nhận thức của họ của họ về trách nhiệm bảo vệ môi trường và các giá trị tự nhiên để đảm bảo cuộc sống của họ; xây dựng cơ chế, chính sách phù hợp với đặc thù của từng địa phương để đảm bảo một phần từ thu nhập du lịch sẽ quay lại, hỗ trợ cho cộng đồng địa phương và cho công tác bảo tồn, phát triển

tài nguyên môi trường du lịch tại địa phương đó; xây dựng một số mô hình và cơ chế cụ thể nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho sự tham gia của cộng đồng vào hoạt động phát triển du lịch.

Trên cơ sở thu thập, tổng hợp tài liệu và quá trình khảo sát thực tế tại địa phương, tác giả đã tiến hành đánh giá kiến nghị một số giải pháp để phát triển du lịch cộng đồng tại đây. Hi vọng trong thời gian tới Vườn quốc gia Cúc Phương sẽ thực hiện được kế hoạch "Phát triển du lịch chống đói nghèo".

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban quản lý VQG Cúc Phương, Báo cáo tình hình hoạt động du lịch, từ năm 2007 đến năm 2010.

2. Phạm Trung Lương: Tài nguyên và Môi Trường Du Lịch Việt Nam, NXB Giáo dục.

3. Phạm Thanh Nghị, nâng cao ý thức sinh thái cộng đồng vì mục tiêu phát triển bền vững, NXB Khoa Học Xã Hội, 2005

4. Võ Quế, Du Lịch cộng đồng lý thuyết và vận dụng, NXB Khoa học và kỹ thuật, 2006

5. Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình, tài liệu giới thiệu hướng dẫn xây dựng mô hình cộng đồng tham gia bảo vệ môi trường, 2005.

6. Nguyễn Minh Tuệ (chủ biên), Địa lý Du lịch, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1999.

7. Tạp chí Du Lịch Việt Nam, số 2 tháng 7 năm 2006, Bài xoá đói giảm nghèo thông qua du lịch đại trà.

8. Trần Đức Thanh: Nhập môn khoa học du lịch, NXB Đại học quốc gia Hà Nội, 2000

9. Bùi Thanh Thuỷ: Phát triển du lịch ở những vùng dân tộc thiểu số trong mối quan hệ với cộng đồng, thông báo khoa học, tập 11, Trường Đại Học Văn Hoá Hà Nội.

10.Trung tâm du lịch sinh thái và giáo dục môi trường VQG Cúc Phương, Báo cáo kết quả hoạt động du lịch, năm 2007 đến năm 2010.

11.Bùi thị Hải Yến: Quy hoạch du lịch, NXB Giáo Dục, 2006

12.Bùi thị Hải Yến: Tuyến điểm du lịch Việt Nam, NXB Giáo Dục, 2006

13.Các Website:

www. vietnamtourism.gov.vn

www. vqgCucphuong.com.vn

MỘT SỐ HÌNH ẢNH VỀ VƯỜN QUỐC GIA CÚC PHƯƠNG

Hình 1: VQG Cúc Phương

Hình 2: Bản đồ các tuyến tham quan du lịch VQG Cúc Phương

Hình 3: Cổng vườn quốc gia Cúc Phương

Hình 4: Vườn quốc gia Cúc Phương

Hình 5: Cây Chò ngàn năm tuổi – Cúc Phương

Hình 6: Động người xưa VQG Cúc Phương

Hình 7: Thảm thực vật VQG Cúc Phương

Hình 8: Nhà sàn dân tộc Mường ở VQG Cúc Phương

Hình 9: Văn nghệ của người dân Mường

Hình 10: Hang con moong VQG Cúc Phương

Hình 11: Du lịch VQG Cúc Phương

Hình 12: Hệ động vật ở VQG Cúc Phương

Hình 13: Cây đăng cổ thụ VQG Cúc Phương

Hình 14: Đạp xe trong VQG Cúc Phương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
1. Lý do chọn đề tài 1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ 3
2.1 Mục tiêu 3
2.2 Nhiệm vụ 3
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu 3
3.1 Phạm vi nghiên cứu: 3
3.2 Đối tượng nghiên cứu 3
4. Ý nghĩa của khoá luận: 4
5. Phương pháp nghiên cứu 4
6. Kết cấu của khoá luận : 4
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ DU LỊCH VÀ DU LỊCH CỘNG ĐỒNG ... 5
1.1 Khái niệm chung 5
1.1.1 Khái niệm du lịch sinh thái 5
1.1.2 Khái niệm du lịch cộng đồng 6
1.1.3 Khái niệm Vườn Quốc Gia 9
1.2 Vai trò và đặc điểm của du lịch cộng đồng 10
1.2.1 Vai trò của du lịch cộng đồng 10
1.2.2 Đặc điểm của du lịch cộng đồng 13
1.3 Các nguyên tắc cơ bản về phát triển du lịch cộng đồng 16
1.4 Các điều kiện hình thành và phát triển du lịch cộng đồng 17
Các chuyên gia đều cho rằng phát triển du lịch dựa vào cộng đồng phụ thuộc vào các điều kiện cơ bản là: 17
1.5 Xu hướng phát triển du lịch và DLCĐ trên thế giới và Việt Nam hiện nay. 21
Tiểu kết chương 1: 23
CHƯƠNG 2: TIỀM NĂNG VÀ THỰC TRẠNG HOẠT ĐỘNG DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở VQG CÚC PHƯƠNG 24
2.1 Khái quát về VQG Cúc Phương 24
2.1.1 Lịch sử hình thành VQG Cúc phương 24

2.1.2 Chức năng của Vườn quốc gia Cúc Phương 25
2.2 Tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng tại VQG Cúc Phương và khu vực các xã vùng đệm 26
2.2.1 Điều kiện tự nhiên khu vực VQG Cúc Phương 26
2.2.2 Các yếu tố văn hoá, lịch sử 29
2.2.3 Đặc điểm kinh tế - xã hội của cộng đồng dân cư sống ở khu vực VQG Cúc Phương 30
2.3 Một số dự án có tác động đến tiềm năng phát triển du lịch cộng đồng 32
2.4 Thực trạng hoạt động du lịch, du lịch cộng đồng tại khu vực VQG Cúc phương..... 34
2.4.1 Khách du lịch 34
2.4.1.1 Thành phần khách tham quan 34
2.4.1.2 Số lượng khách tham quan..... 35
2.4.1.3 Thời gian tham quan 35
2.4.2 Các hoạt động du lịch..... 36
2.4.3 Doanh thu từ du lịch..... 38
2.4.4 Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật 39
2.4.5 Hiện trạng nguồn nhân lực du lịch..... 44
2.4.6 Hiện trạng khai thác tài nguyên 45
2.5 Đánh giá khả năng phát triển du lịch cộng đồng tại khu vực VQG..... 46
2.5.1 Thuận lợi 46
2.5.2 Khó khăn 47
2.5.3 Những tác động của hoạt động du lịch đến cộng đồng cư dân ven VQG Cúc phương 49
Tiểu kết chương 2:..... 51
CHƯƠNG 3: ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỘNG ĐỒNG Ở VQG CÚC PHƯƠNG.....52
3.1 Định hướng tổ chức không gian lãnh thổ du lịch tại VQG..... 52
3.2 Một số giải pháp phát triển du lịch cộng đồng tại VQG Cúc phương 54
3.2.1 Giải pháp xây dựng cơ chế chính sách, tổ chức hoàn thiện bộ máy hoạt

động quản lý 54
3.2.2 Cải thiện xây dựng cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch..... 55
3.2.3 Phát triển du lịch trên cơ sở bảo tồn các nguồn tài nguyên, đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội cho cộng đồng dân cư..... 57
3.2.4 Giải pháp nghiên cứu thị trường, tiếp thị và quảng bá hình ảnh khu du lịch VQG Cúc phương..... 58
3.2.5 Giải pháp về nguồn nhân lực 59
3.2.6 Giải pháp nâng cao chất lượng sản phẩm và các chương trình du lịch của khu vực VQG Cúc Phương 63
3.2.7 Giải pháp phát triển kinh tế xã hội vùng đệm..... 67
Tiểu kết chương 3 : 68
KẾT LUẬN 70
TÀI LIỆU THAM KHẢO
PHỤ LỤC

DANH MỤC BẢNG BIỂU VÀ HÌNH ẢNH

1. DANH MỤC BẢNG

BẢNG 2.1: Dân số và sự phân bố dân cư xã Cúc Phương và Kỳ Phú

Bảng 2.2: Thành phần dân tộc của cộng đồng sống ở khu vực VQG Cúc Phương

Bảng 2.3: Bảng số lượng khách đến VQG Cúc Phương

Bảng 2.4: Bảng Doanh thu từ hoạt động du lịch VQG Cúc Phương

(giai đoạn năm 2007 đến 2010)

2. DANH MỤC HÌNH ẢNH

Hình 1: VQG Cúc Phương

Hình 2: Bản đồ các tuyến tham quan du lịch VQG Cúc Phương

Hình 3: Cổng VQG Cúc Phương

Hình 4: Hình ảnh VQG Cúc Phương

Hinh 5: Cây Chò ngàn năm tuổi – Cúc Phương

Hình 6: Động người xưa VQG Cúc Phương

Hình 7: Thảm thực vật VQG Cúc Phương

Hình 8: Nhà Sàn dân tộc Mường ở VQG Cúc Phương

Hình 9: Văn nghệ của người Mường

Hình 10: Hang con Moong VQG Cúc Phương

Hình 11: Du lịch VQG Cúc Phương

Hình 12: Hệ Động vật ở VQG Cúc Phương

Hình 13: Cây Đăng cổ thụ VQG Cúc Phương

Hình 14: Đạp xe trong rừng VQG Cúc Phương

HỆ THỐNG CÁC CHỮ VIẾT TẮT

DLCĐ: Du lịch cộng đồng

DLST: Du lịch sinh thái

VQG: Vườn quốc gia

CĐĐP: Cộng đồng địa phương

FFI: Quỹ bảo tồn động thực vật hoang dã thế giới

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp khoá luận hoàn thành và đưa ra bảo vệ, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc tới các thầy cô trong khoa Văn Hoá Du Lịch trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng. Đặc biệt tới cô giáo Nguyễn Thị Hải, người đã tận tình chỉ dẫn và giúp đỡ cho em trong quá trình làm đề tài khoá luận này.

Em xin chân thành cảm ơn Sở Văn Hoá Thể Thao và Du Lịch tỉnh Ninh Bình, Ban quản lý Vườn quốc gia Cúc Phương, và Thư viện trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng. Đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành khoá luận tốt nghiệp.

Em xin ghi nhận mọi ý kiến đóng góp của thầy cô giáo cùng các bạn sinh viên trong Khoa về những điều còn thiếu sót trong khoá luận này.

Tuy nhiên do kiến thức và kinh nghiệm còn hạn chế, những khiếm khuyết trong khoá luận này là không tránh khỏi. Em rất mong tiếp tục nhận được sự chỉ dẫn của các thầy cô và sự góp ý của các bạn sinh viên để cho khoá luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải phòng ngày 20 tháng 6 năm 2011

Sinh viên

Hoàng Thị Hường